



Mục lục

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

3 BÙI TRƯỜNG GIANG:

Kinh nghiệm quốc tế trong giải quyết mối quan hệ kinh tế thị trường - nhà nước pháp quyền - nền dân chủ và hàm ý cho Việt Nam

18 LÊ ANH TUẤN:

Cuộc cách mạng đổi mới và xây dựng hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới

28 BÙI PHƯƠNG ĐÌNH:

Quản lý nhà nước đối với an sinh xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế

38

VŨ TRỌNG HÀ:

Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ trên môi trường mạng xã hội

49

NGUYỄN THỊ TRƯỜNG GIANG:

Vai trò của truyền thông xã hội trong quảng bá sản phẩm văn hóa Việt Nam

58

PHẠM THỊ THANH BÌNH:

Chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế của Singapore và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

69

Góp ý dự thảo Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Cần Thơ lần thứ XV



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ TRONG GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG - NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN - NỀN DÂN CHỦ VÀ HÀM Ý CHO VIỆT NAM¹

★ TS BÙI TRƯỜNG GIANG

Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương

Bài viết khảo sát một số kinh nghiệm quốc tế tiêu biểu trong giải quyết mối quan hệ Kinh tế thị trường - Nhà nước pháp quyền - Nền dân chủ trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước và rút ra những kinh nghiệm tham khảo phù hợp cho việc giải quyết mối quan hệ Kinh tế thị trường định hướng XHCN - Nhà nước pháp quyền XHCN - Nền dân chủ XHCN trong quá trình định hình và hoàn thiện mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam.

I. KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA CHÂU ÂU, HOA KỲ, ĐÔNG Á

(1) Kinh nghiệm Bắc Âu

Một số quốc gia Bắc Âu (Thụy Điển, Na Uy, Phần Lan, Đan Mạch) với mức sống cao và mức chênh lệch thu nhập thấp được đánh giá là một mô hình xây dựng và phát triển đất nước thành công trên thế giới. Có quan điểm học giả cho rằng nhóm quốc gia Bắc Âu này với mô hình nhà nước phúc lợi chính là những quốc gia đang hình

thành những tiền đề cần thiết và tiến đến chủ nghĩa xã hội đầu tiên, bởi trong khi vấn đề bất bình đẳng, khoảng cách giàu nghèo trở thành vấn đề dai dẳng ở một số nước phát triển và cả những nước đang phát triển thì nhóm nước Bắc Âu này đã tạo nên một hình mẫu đáng học hỏi, nhất là trong giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, xây dựng nhà nước pháp quyền bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân và tạo lập một nền dân chủ gắn liền với kỷ cương xã hội.

Mô hình Bắc Âu là mô hình điển hình của sự liên kết khăng khít giữa kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền và nền dân chủ. Đó là sự kết hợp giữa kinh tế thị trường tự do và điều tiết thị trường, bảo đảm phúc lợi xã hội của nhà nước nhằm thực hiện dân chủ, công bằng xã hội, giải quyết có hiệu quả các vấn đề phát triển, nhất là các mục tiêu phát triển xã hội và con người. Đó là mô hình liên kết giữa thị trường tự do và nhà nước phúc lợi, lợi ích xã hội, lợi ích của người dân để tạo ra một xã hội được hưởng nhiều hạ tầng kinh tế-xã hội, dịch vụ an sinh xã

hội chất lượng hàng đầu, nhất là về y tế, giáo dục-đào tạo, hưu trí. Mô hình này đặc trưng bởi chính sách thuế khá cao để điều tiết, tái phân phối của cải xã hội hài hòa vì lợi ích của đại bộ phận người dân lao động, mang tính toàn dân. Mô hình này được coi là hình mẫu tạo ra sự thịnh vượng về kinh tế thị trường làm nền tảng và đòn bẩy cho nhà nước pháp quyền quản trị tốt và một nền tảng dân chủ bền vững vì công lý, công bằng, tiến bộ xã hội. Đồng thời, mô hình tạo được lòng tin, sự đồng thuận cao trong nhân dân, tạo động lực và sự cống hiến của người dân trong phát triển kinh tế-xã hội. Nhờ tuân thủ quy luật và giải quyết tốt mối quan hệ Kinh tế thị trường - Nhà nước pháp quyền - Nền dân chủ, nhóm nước Bắc Âu này đã đạt được mức độ cao về phát triển kinh tế, bảo đảm phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường và thực hành dân chủ.

(2) Kinh nghiệm của CHLB Đức

CHLB. Đức được coi là quê hương của mô hình kinh tế thị trường xã hội. Mô hình kinh tế thị trường xã hội Đức có nét riêng biệt, không chỉ thực thi những nguyên tắc thị trường mà còn theo đuổi các mục tiêu xã hội nhằm đạt

được công bằng xã hội và điều chỉnh những kết quả thị trường theo hướng tốt đẹp cho tất cả mọi người, tạo ra tiến bộ xã hội cho quảng đại quần chúng. Mô hình kinh tế thị trường xã hội Đức không chỉ đơn thuần nhằm phát triển kinh tế, mà còn chứa đựng triết lý luôn bảo đảm giá trị, nhân phẩm con người.

Những yếu tố cơ bản của nền kinh tế thị trường xã hội Đức là: *Thứ nhất*, luôn bảo đảm các yếu tố căn bản của nền kinh tế thị trường được áp dụng: Các thị trường mở, tự do thương lượng và ký kết hợp đồng, chống lại sự chi phối thị trường, bóp méo cạnh tranh, đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm pháp lý của mỗi người trong các quyết định kinh tế của mình. *Thứ hai*, Nhà nước luôn bảo đảm sự công bằng xã hội và các cơ hội tiếp cận bình đẳng cho người dân. Điều này thực hiện thông qua hệ thống thuế, các biện pháp phúc lợi nhà nước xã hội đa dạng, cùng với đó là những quyền về xã hội và các cơ hội giáo dục, như: Trợ cấp cho người yếu thế, bảo đảm tối thiểu sự an toàn nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội trước những rủi ro trong cuộc sống (tai nạn, bệnh tật, thất nghiệp, tuổi già). *Thứ ba*, bảo đảm sự tự do

thương lượng và tham gia tập thể vào quyết định chính sách tại nơi làm việc. Đức coi các thỏa ước tập thể được tự do thương lượng là một sự bảo đảm hòa bình, trật tự xã hội không thể thiếu được. Do vậy, các bên tham gia thương lượng tập thể đóng vai trò quan trọng trong sự ổn định nền dân chủ².

Trong khi đó, hệ thống chính trị Đức giữ được tính dân chủ tập trung nhưng không độc tài, độc đoán. Hệ thống tổ chức bộ máy hành chính nhà nước của Đức phân quyền mạnh và nhìn bề ngoài khá phân tán nhưng hoạt động quản lý hành chính nhà nước vẫn đạt hiệu quả cao; duy trì sự cân bằng giữa kinh tế, tự do và bình đẳng xã hội để những yếu tố này đến lượt chúng lại thúc đẩy và hỗ trợ lẫn nhau. Sự đảm bảo nguyên tắc pháp quyền, thượng tôn pháp luật và hoàn thiện thể chế thị trường và dân chủ là các yếu tố làm cho mô hình kinh tế xã hội Đức thành công, giúp cho nước Đức có chính phủ ổn định, xã hội kỷ cương và nền kinh tế Đức luôn mang tính cạnh tranh cao, đồng thời thị trường lao động cũng ít bị tác động bởi những khó khăn kinh tế, lợi ích của doanh nghiệp và người lao động luôn được tính đến và giải quyết hài hòa.

(3) Kinh nghiệm của Hoa Kỳ

Hoa Kỳ được biết đến như một quốc gia tiêu biểu của mô hình kinh tế thị trường tự do - là một nền kinh tế tư bản chủ nghĩa hỗn hợp với công nghệ, mức độ công nghiệp hóa và trình độ phát triển rất cao. Mô hình này tiêu biểu cho hình thức nhà nước tối thiểu, thu hẹp cả chức năng kinh tế và chức năng xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển, sáng tạo và cạnh tranh. Trong đó, kinh tế thị trường đóng vai trò quyết định về sản xuất, phân phối và sử dụng nguồn lực, tài nguyên dựa trên quan hệ cung cầu, quy luật cạnh tranh và sự tương tác tự do của các cá nhân, doanh nghiệp và các chủ thể khác trên thị trường. Kinh tế thị trường tạo ra sự đa dạng, sự cạnh tranh và khả năng thích ứng linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế và sự tăng trưởng. Nhà nước pháp quyền đóng vai trò quan trọng trong việc xác định và thực thi quy tắc và quy định cần thiết để bảo vệ quyền lợi của người dân và doanh nghiệp; bảo đảm phân chia và kiểm soát quyền lực lẫn nhau; đảm bảo sự tuân thủ các quy tắc cạnh tranh công bằng và ngăn chặn hành vi không

minh bạch và độc quyền trong kinh tế thị trường. Nhà nước pháp quyền cung cấp một khung pháp lý ổn định để giám sát và điều chỉnh hoạt động kinh doanh, các giao dịch thị trường, dân sự. Nền dân chủ là một hình thức chính trị và xã hội trong đó quyền lực thuộc về Nhân dân. Nguyên tắc cơ bản của nền dân chủ là sự tham gia của công dân trong quyết định chính sách, tự do ngôn luận, quyền bầu cử và kiểm soát chính quyền. Dân chủ tạo ra một môi trường cho sự tương tác, tranh luận và thỏa thuận xã hội, đảm bảo quyền lợi và sự thịnh vượng của các thành viên trong xã hội.

Trong mối quan hệ Kinh tế thị trường - Nhà nước pháp quyền - Nền dân chủ ở mô hình Hoa Kỳ, kinh tế thị trường là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển của pháp quyền và dân chủ. Kinh tế thị trường tạo ra một tầng lớp trung lưu đông đảo, có khả năng tiêu dùng, tiết kiệm và đầu tư; có thể tạo áp lực yêu cầu nhà nước phải bảo vệ quyền sở hữu tư nhân, quyền tự do kinh doanh và các quyền dân chủ khác của họ. Nhà nước pháp quyền là điều kiện cần thiết cho sự ổn định của kinh tế thị trường và dân chủ. Pháp quyền

bảo đảm rằng Nhà nước không lạm quyền, can thiệp quá mức vào hoạt động kinh tế của các cá nhân và doanh nghiệp; nhà nước bảo vệ các quyền con người, không gây ra bất công xã hội, bạo loạn hay nội chiến; nhà nước tuân theo ý nguyện của người dân thông qua việc bầu cử công bằng và minh bạch. Pháp quyền đóng vai trò cơ bản và không thể thiếu trong hệ thống kinh tế thị trường, mang đến một công cụ cần thiết để tạo ra và duy trì sự phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh kinh tế và phúc lợi xã hội, cũng như nâng cao chất lượng cuộc sống. Pháp quyền là một phần không thể thiếu trong bộ khung quy định của chính quyền, cung cấp cơ sở chính trị - pháp lý quan trọng cho hoạt động của kinh tế thị trường, làm nền tảng cần thiết cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng và thúc đẩy quyền, lợi ích hợp pháp. Nền dân chủ là điều kiện duy trì cho sự phát triển của kinh tế thị trường và pháp quyền. Dân chủ cho phép người dân có tiếng nói trong việc xác định các mục tiêu kinh tế, các nguyên tắc pháp luật và các giá trị cốt lõi, phổ quát của xã hội. Dân chủ cho phép người dân có khả năng kiểm soát và giám sát hoạt động của nhà nước,

có khả năng kiến nghị và yêu cầu nhà nước thực hiện các biện pháp cải thiện cuộc sống của người dân, cho phép người dân huy động trí tuệ tập thể, có khả năng thay đổi các nhà lãnh đạo, các chính sách công khi cần thiết để phù hợp với hoàn cảnh mới.

Mối quan hệ giữa nhà nước pháp quyền và nền dân chủ là *một quan hệ cơ bản và tương hỗ*, trong đó nhà nước pháp quyền đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và thực hiện nguyên tắc cơ bản của nền dân chủ. Mối quan hệ này thể hiện sự tương tác và cân nhắc giữa quyền lực và sự tham gia của công dân. Nhà nước pháp quyền đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và duy trì cơ chế và quy tắc cần thiết để bảo vệ và thực hiện quyền dân chủ, phải có ý thức lắng nghe người dân và cân trọng trong các quyết sách của mình. Đồng thời, nền dân chủ tạo ra một sự kiểm soát và sự phân quyền giới hạn đối với nhà nước, đảm bảo rằng quyền lực không bị lạm dụng và bị hạn chế, và buộc các nhà lãnh đạo chính quyền phải chịu trách nhiệm về cách thức sử dụng quyền lực công. Theo GS. J. Stiglitz (1994), mối quan hệ giữa kinh tế thị trường và nhà nước

pháp quyền có thể được coi là một sự kết hợp tinh vi giữa các lực lượng tự nhiên của thị trường và sự can thiệp của Nhà nước để đảm bảo sự công bằng và bảo vệ lợi ích chung³. Mối quan hệ giữa kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền và nền dân chủ ở Hoa Kỳ là phức tạp và tương đối đồng nhất. Tính tự do kinh doanh, sự cạnh tranh, quy tắc và quy định của nhà nước pháp quyền và vai trò của dân chủ là những yếu tố tối quan trọng trong quá trình phát triển và thịnh vượng của quốc gia này. Hiểu rõ bản chất của mối quan hệ này là cần thiết để duy trì một hệ thống kinh tế và chính trị ổn định, và từ đó đảm bảo sự phát triển bền vững và thịnh vượng cho tất cả các thành viên trong xã hội.

(4) Kinh nghiệm của Hàn Quốc

Mô hình phát triển Kinh tế Hàn Quốc là một mô hình tiêu biểu của mô hình *nhà nước kiến tạo phát triển* (Development State)⁴, bao gồm những đặc điểm nổi bật như nền kinh tế thị trường hỗn hợp, cạnh tranh cao, chịu ảnh hưởng lớn từ những tập đoàn tài phiệt (Chaebol) và có sự can thiệp mạnh của Nhà nước trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển.

Việc giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước - Thị trường - Nền dân chủ có những đặc trưng riêng theo từng thời kỳ phát triển với phương châm “trước tiên là công nghiệp hóa, sau đó là dân chủ hóa”⁵. Ở giai đoạn công nghiệp hóa (1963-1995), Nhà nước mạnh thể hiện qua sự can thiệp, định hướng, điều tiết, chỉ huy mạnh mẽ từ phía chính phủ trên các lĩnh vực⁶. Mô hình phát triển này đã mang lại những kết quả ngoạn mục⁷. Trong mối quan hệ ba bên giữa nhà nước pháp quyền, kinh tế thị trường và nền dân chủ của Hàn Quốc thì nhà nước pháp quyền và kinh tế thị trường dần được đối trọng và giám sát bởi các phong trào dân chủ hóa trong đời sống xã hội. Sự lớn mạnh của nền kinh tế Hàn Quốc là hệ quả của mối quan hệ tích cực thúc đẩy của nhà nước với các tập đoàn (chaebol), kết hợp với sức lao động dẻo dai của người lao động Hàn Quốc, cùng thành quả của nền giáo dục cung cấp lực lượng lao động chất lượng cao cho nền kinh tế. Còn sự trưởng thành và phát triển của nền dân chủ Hàn Quốc là hệ quả của quan hệ đối trọng và giám sát của các phong trào dân chủ đối với hai chủ thể còn lại. Vai trò của nhà nước là tạo lập thể chế, dẫn

dắt quá trình phát triển, bổ trợ những chức năng mà thị trường còn non trẻ, chưa kịp định hình như: (1) xây dựng hệ thống thể chế thị trường; (2) cải thiện chất lượng hệ thống giáo dục; (3) cải cách hệ thống quy chế cho ngành dịch vụ; (4) cải thiện hệ thống hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ. Ở tầm vĩ mô, Nhà nước xác định mục tiêu và động lực tăng trưởng mới, loại trừ các chướng ngại cho hoạt động của doanh nghiệp, cung cấp nhân lực trình độ cao, chữa trị những thất bại trong thị trường bằng cách phân tích nguyên nhân thất bại và bí quyết thành công để xác lập các điều kiện và chuẩn mực thành công, can thiệp vào các hoạt động đặc trưng (như R&D) chứ không phải vào các ngành nghề cụ thể, trao đổi thông tin với doanh nghiệp trong quá trình phát triển kinh tế đất nước.

Kỳ tích phát triển và sự chuyển đổi mô hình phát triển của Hàn Quốc theo hướng kinh tế thị trường hiện đại, toàn cầu hoá, hiện đại hoá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo là một sự chuyển hướng đúng đắn, phản ánh sự lựa chọn đúng đắn những vấn đề ưu tiên giải quyết trong mối quan hệ giữa kinh tế thị trường, nhà nước pháp

quyền và nền dân chủ. Sự chuyển đổi mô hình phát triển này cho ta thấy là không có một mô hình phát triển nào có thể tồn tại vĩnh hằng, mà nó phải thay đổi thích hợp với những điều kiện lịch sử đã thay đổi. Hàn Quốc không ngừng điều chỉnh, nâng cấp mô hình phát triển của mình, tiến hành một cuộc cải cách cơ cấu căn bản, phù hợp với bối cảnh mới, điều kiện mới của thời đại⁸.

(5) Kinh nghiệm của Trung Quốc

Một là, tập trung phát triển “kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc thời đại mới” làm tiền đề xây dựng nhà nước pháp trị và nền dân chủ nhân dân; thiết lập một ranh giới giữa chính phủ và thị trường giúp giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa Nhà nước - thị trường - xã hội trong quá trình cải cách và mở cửa toàn diện. Đại hội XIX Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 10/2017) đã xác lập Tư tưởng Tập Cận Bình về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới, với mục tiêu đến năm 2035 cơ bản hoàn thành hiện đại hóa, trở thành cường quốc hiện đại hóa vào giữa thế kỷ XXI. Phát triển kinh tế nhanh, tăng trưởng kinh tế cao liên tục trong thời gian lâu dài

là tiền đề cho xây dựng nhà nước pháp quyền và nền dân chủ nhân dân vững mạnh của Trung Quốc. Cùng với phát triển kinh tế, tầng lớp trung lưu mới ngày càng lớn mạnh, nhu cầu dân chủ hóa đời sống ngày càng tăng, nhu cầu về một nhà nước pháp quyền ngày càng lớn.

Hai là, tập trung xây dựng Nhà nước pháp trị XHCN đặc sắc Trung Quốc; quản lý đất nước bằng pháp luật. Luật pháp là công cụ kiểm soát quyền lực, bảo đảm quyền lợi của các công dân. Pháp trị chẳng những dùng pháp luật để chuẩn hóa hành vi của công dân mà trước hết là dùng pháp luật để ràng buộc quyền lực thống trị. Pháp trị là sự thống trị của pháp lý, chỉ có quyền lực phục tùng pháp luật chứ không có pháp luật phục tùng quyền lực; thể hiện nguyên tắc “Không có quyền lực cao trên pháp luật”. Kiên trì dựa trên pháp luật để trị quốc trước tiên phải dựa trên Hiến pháp để trị quốc; kiên trì dựa trên pháp luật để nắm quyền trước tiên phải dựa trên Hiến pháp để nắm quyền. Mục đích xây dựng nhà nước pháp trị XHCN đặc sắc Trung Quốc là để giám sát có hiệu quả thực thi quyền lực công, trong đó nội dung cốt lõi là:

làm rõ quyền lực, xác định quyền lực, phân chia quyền lực, công khai quyền lực và khống chế quyền lực - “không có tổ chức hay cá nhân nào có quyền vượt qua hiến pháp và luật pháp”. Việc gia tăng sức mạnh pháp luật sẽ tạo ra môi trường kinh doanh minh bạch và công bằng hơn cho khu vực tư nhân và nhà đầu tư nước ngoài; thúc đẩy công bằng xã hội và công lý, giảm bớt sự nhiễu nhiễu của chính quyền địa phương và đảm bảo một hệ thống thực thi pháp luật thống nhất hơn, cải thiện tính độc lập và công bằng của tòa án.

Ba là, hoàn thiện hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc lấy Hiến pháp làm hạt nhân; thúc đẩy vững chắc việc quản lý hành chính theo pháp luật; xây dựng nền tư pháp công bằng, nghiêm minh; kiên trì cầm quyền theo Hiến pháp, kiên trì không dao động địa vị lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc mà Hiến pháp đã xác định, kiên trì không dao động quốc thể của nền chuyên chính dân chủ nhân dân và chính thể của chế độ Đại hội đại biểu nhân dân mà Hiến pháp đã xác định. Tăng cường thực thi và giám sát Hiến pháp cũng như bảo vệ quyền uy của Hiến pháp. Thúc đẩy lập pháp

khoa học, lập pháp dân chủ, lập pháp theo pháp luật, lên kế hoạch tổng thể cho việc xây dựng, sửa đổi, bãi bỏ, giải thích và soạn thảo pháp luật, tăng cường tính hệ thống, tính tổng thể, tính hài hòa và tính kịp thời của lập pháp. Thúc đẩy vững chắc việc quản lý hành chính theo pháp luật; tư pháp công bằng nghiêm minh, đẩy nhanh việc xây dựng chế độ tư pháp xã hội chủ nghĩa công bằng, hiệu quả cao; tăng cường kiểm soát và giám sát đối với các hoạt động tư pháp, thúc đẩy công bằng tư pháp.

Bốn là, xây dựng xã hội pháp trị kết hợp đồng bộ với xây dựng nền dân chủ nhân dân toàn quá trình trở thành nền tảng của nhà nước pháp trị. Xã hội pháp trị là nền tảng để xây dựng nhà nước pháp trị. Phát huy tinh thần pháp trị xã hội chủ nghĩa, kế thừa văn hóa pháp luật truyền thống ưu tú Trung Hoa, dẫn dắt toàn thể nhân dân làm người tôn trọng, người tự giác tuân thủ, người bảo vệ kiên định của pháp trị xã hội chủ nghĩa. Xây dựng hệ thống dịch vụ pháp luật công cộng hiện đại bao phủ cả ở thành thị và nông thôn, tăng cường tuyên truyền và giáo dục pháp trị, tăng cường quan niệm pháp trị

trong toàn dân; nâng cao trình độ pháp trị hóa quản trị xã hội, làm cho việc tôn trọng, học tập, tuân thủ và vận dụng pháp luật trở nên phổ biến trong toàn xã hội. Xây dựng nền dân chủ nhân dân toàn quá trình giúp nền dân chủ nhân dân của Trung Quốc trở thành nền dân chủ rộng rãi nhất, thực chất nhất, hữu hiệu nhất. Trong giải quyết mối quan hệ giữa dân chủ - pháp quyền, để làm tốt công việc quản lý dân chủ, phải xác định rõ phạm vi quản lý dân chủ, xác định quyền hạn quản lý, xây dựng chế độ quản lý dân chủ, triển khai hoạt động quản lý theo pháp luật và quy định. Tập trung xây dựng dân chủ cơ sở để xây dựng nền dân chủ nhân dân toàn quá trình.

Năm là, không ngừng hoàn thiện chế độ lãnh đạo toàn diện của Đảng, đi sâu cải cách tổ chức bộ máy đảng và Nhà nước, nâng cao năng lực quản trị quốc gia, thích ứng với yêu cầu mới, phân công và kiểm soát quyền lực một cách khoa học hơn. Kể từ Đại hội XIII đến nay, để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, Đảng Cộng sản Trung Quốc tập trung lãnh đạo cả 3 mối quan hệ: 1) Quan hệ giữa Đảng và xã hội Trung Quốc; 2) Quan hệ giữa Đảng với

Chính hiệp (Hiệp thương Nhân dân) và bộ máy hành chính nhà nước; 3) Trong nội bộ hệ thống Đảng để tăng cường vai trò lãnh đạo mọi mặt hệ thống Đảng, hệ thống bộ máy hành chính và Chính hiệp và lãnh đạo quan hệ xã hội. Cải cách tổ chức bộ máy nhà nước Trung Quốc hướng đến mục tiêu: i) Xây dựng hệ thống hành chính toàn diện và hoàn chỉnh, phù hợp giữa chức năng và tổ chức trong mỗi bộ máy, mỗi cơ quan; ii) Quy trình khoa học, tiêu chuẩn hóa, quy phạm hóa, phù hợp với yêu cầu thực thi quyền lực; iii) Vận hành với hiệu quả cao, đáp ứng được yêu cầu về kết quả, hiệu quả thực thi quyền lực; thực hiện toàn diện trên tất cả các mặt: Đảng, Chính (Chính phủ, Chính hiệp), Quân (Quân đội), Dân (và các tổ chức xã hội), Học (Giáo dục)⁹. Chuyển đổi vai trò, chức năng của Chính phủ và các cấp chính quyền sang định hướng phục vụ; tinh gọn bộ máy tổ chức, phân cấp phân quyền rành mạch; biên chế các cơ quan phải tuân thủ quy định của pháp luật.

Tóm lại, khảo cứu một số kinh nghiệm quốc tế nêu trên cho thấy quan điểm kinh tế-chính trị hiện đại là quy mô tuyệt đối của khu vực Nhà nước và

mức độ can thiệp của Nhà nước không quan trọng bằng cách thức tổ chức và hoạt động của Nhà nước và các loại quan hệ mà Nhà nước thiết lập với các khu vực kinh tế. Theo quan điểm này, nội dung quan trọng trong các chương trình phát triển theo định hướng thị trường là phải xác định được hoạt động can thiệp nào của Chính phủ nên giữ nguyên, hay chuyển giao cho khu vực ngoài Nhà nước, phân cấp, phân quyền tới các chính quyền địa phương, hoặc chấm dứt hoàn toàn. Những nghiên cứu gần đây nhấn mạnh rằng, sự can thiệp của Nhà nước cần phải *điều chỉnh* liên tục phù hợp với môi trường thường xuyên thay đổi, để khai thác tối đa những cơ hội và giảm thiểu rủi ro từ hội nhập quốc tế và xu thế phát triển thời đại. Theo quan điểm của Ngân hàng Thế giới, *Nhà nước nên ít tham gia vào những lĩnh vực mà thị trường vận hành tốt; và nên tham gia nhiều hơn vào các lĩnh vực không thể dựa vào thị trường*. Khi các hành động can thiệp là cần thiết, chúng nên đi cùng hoặc thông qua các lực lượng thị trường chứ không phải chống lại thị trường. Nhà nước can thiệp đến mức nào và vào đâu, thời điểm nào... không

có ngưỡng cụ thể chung cho các nền kinh tế. Sự can thiệp của Nhà nước cần phải *linh hoạt* thay đổi phù hợp với môi trường cụ thể. Đó là trình độ phát triển lực lượng sản xuất, các truyền thống văn hóa lịch sử cụ thể... Do đó, đòi hỏi phải nghiên cứu phân tích cụ thể các điều kiện, cơ sở và yếu tố chi phối, thúc đẩy việc giải quyết mối quan hệ này mới có các giải pháp chính sách khả thi, phù hợp.

Trong các nền kinh tế thị trường phát triển Âu - Mỹ, Nhà nước được chú ý nhiều hơn trong vai trò là người điều tiết, điều chỉnh. Vai trò này đặc biệt được chú ý trong các thời kỳ khủng hoảng. Nhiều quốc gia đã đẩy mạnh quá trình tư nhân hóa, hoặc chuyển giao công - tư, Nhà nước hầu như không triển khai đầu tư kinh doanh trực tiếp, bản thân các dịch vụ công cũng được chuyển cho tư nhân tham gia cung cấp. Nhà nước sử dụng các công cụ điều tiết, nhất là các chính sách tài chính - tiền tệ, thuế, ngân sách, chính sách cạnh tranh, xây dựng các chiến lược, quy hoạch dài hạn... để điều chỉnh, định hướng nền kinh tế quốc dân. Những lý giải về kỳ tích của Hàn Quốc đều đánh giá cao sự thành

công trong giải quyết mối quan hệ Nhà nước - thị trường - dân chủ. Trong các nền kinh tế Đông Á, ở thời kỳ đầu phát triển, Nhà nước can thiệp mạnh vào nền kinh tế, thực sự là động lực thúc đẩy và định hướng phát triển. Tuy nhiên, trong những thập kỷ gần đây, quá trình tư nhân hóa và phân quyền, giải điều tiết được đẩy mạnh. Vai trò Nhà nước được nhấn mạnh hơn so với các nền kinh tế Âu - Mỹ, nhà nước và kinh tế thị trường có sự tương thuộc chặt chẽ, Nhà nước tập trung việc tạo lập thể chế, hành lang pháp lý cho kinh tế thị trường và nền dân chủ vận hành ổn định, lành mạnh, phát triển các ngành kinh tế, công nghệ, hệ thống cơ sở hạ tầng chiến lược, chú ý các chính sách an sinh xã hội, an ninh con người. Với Trung Quốc, Trung Quốc chuyển dần sang kết hợp hài hòa Nhà nước và thị trường, thừa nhận vai trò quyết định của thị trường trong phân bổ nguồn lực, song khu vực kinh tế nhà nước (quốc hữu) vẫn giữ vai trò chủ đạo, với sứ mệnh tiên phong phát triển lực lượng sản xuất mới, hiện đại, phát triển những ngành kinh tế mới, công nghệ mới, tối tân, xác lập vị thế cạnh tranh chiến lược trong nền kinh tế thế giới.

Nhà nước chú trọng vai trò điều tiết vĩ mô, xây dựng các thể chế thị trường, thúc đẩy và định hướng khu vực tư nhân phát triển. Việc tái cơ cấu mối quan hệ giữa chính phủ, kinh tế thị trường và xã hội chính là sự chuyển đổi mô hình quản trị quốc gia của Trung Quốc, là vấn đề hạt nhân trong cải cách, mở cửa và xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc.

II. MỘT SỐ KINH NGHIỆM THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

Một là, lịch sử phát triển kinh tế thế giới luôn kiếm tìm câu trả lời cho mục tiêu tối thượng: Quốc gia độc lập, giàu mạnh, Nhân dân tự do, hạnh phúc. Có nhiều câu trả lời khác nhau cho câu hỏi này, và nhiều quốc gia phải vạch ra ranh giới giữa kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền và nền dân chủ và mang lại kết quả ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội và nền dân chủ xã hội vững bền. Mối quan hệ kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền và nền dân chủ thống nhất hữu cơ, có phân vai, bổ khuyết cho nhau và ràng buộc lẫn nhau, song *không có công thức chung cho mọi quốc gia*. Chính vì vậy, mỗi quốc gia cần căn cứ vào điều kiện phát triển, truyền thống văn hóa-lịch

sử và bối cảnh thời đại cụ thể để lựa chọn mức độ và hình thức hợp lý trong giải quyết mối quan hệ này.

Hai là, mỗi quốc gia đều giải quyết đúng đắn, sáng suốt mối quan hệ giữa tính phổ biến và tính đặc thù, giữa những giá trị phổ quát nhân loại và những giá trị đặc thù quốc gia - dân tộc trong giải quyết mối quan hệ Kinh tế thị trường - Nhà nước pháp quyền - Nền dân chủ; có phương thức xây dựng, tổ chức nền kinh tế quốc dân, nhà nước pháp quyền và nền dân chủ theo cách riêng của mình. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu cũng chỉ ra sự thất bại trong giải quyết mối quan hệ ba bên này là do tuyệt đối hóa Nhà nước hay tuyệt đối hóa thị trường, tuyệt đối hóa dân chủ, hoặc do không có lộ trình, bước đi phù hợp của tiến trình dân chủ hóa đời sống chính trị - kinh tế - xã hội.

Ba là, kinh nghiệm quốc tế đã cho thấy nhiều bài học có giá trị tham khảo trong giải quyết những vấn đề căn cốt. Trong đó, tiêu biểu nhất là sự phát triển của nền kinh tế thị trường hỗn hợp, ở đó thị trường đóng vai trò quyết định trong tối ưu hóa huy động, phân bổ nguồn lực, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh, tiên phong đổi mới sáng tạo, phát triển công

nghệ mới, giải quyết việc làm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của đời sống người dân. Nhà nước pháp quyền xây dựng thể chế phát triển, định hướng, điều tiết hoạt động kinh tế thị trường, khắc phục những khuyết tật, thất bại của thị trường; quản trị phát triển xã hội bền vững, đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội, bảo vệ và phát huy dân chủ...; nhà nước pháp quyền duy trì một nền dân chủ dựa trên luật pháp, dựa trên các giá trị chung của quốc gia - dân tộc, của cộng đồng và giữa các công dân. Nền dân chủ chính là mục tiêu, là động lực của phát triển kinh tế thị trường và xây dựng nhà nước pháp quyền; là sự bảo đảm cho kinh tế thị trường và nhà nước pháp quyền vận hành ổn định, lâu bền. Như vậy, ưu tiên hàng đầu là xác định sự phân công hợp lý, bổ sung và ràng buộc lẫn nhau giữa kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền và nền dân chủ nhằm khai thác triệt để những lợi thế của mỗi chủ thể, đồng thời tránh được hoặc giảm thiểu những thất bại của cả kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền và nền dân chủ trong quá trình phát triển.

Bốn là, mối quan hệ Kinh tế thị trường - Nhà nước pháp quyền - Nền dân chủ là mối quan hệ giữa các thành

tố nền tảng quan trọng nhất của mỗi quốc gia-dân tộc trong xã hội hiện đại. Giữa kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền và nền dân chủ có mối quan hệ tương hỗ không thể tách rời, cùng nhau tạo nên diện mạo của mỗi xã hội, mỗi quốc gia trong quá trình phát triển. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa ba thành tố này sẽ tạo nên một xã hội phát triển bền vững. Trong các nấc thang phát triển, các quốc gia đều phải giải quyết tốt mối quan hệ này, tìm ra các quy luật phổ quát, các cách thức giải quyết mối quan hệ này trở nên hoà hợp, tương hỗ, thúc đẩy lẫn nhau, đồng thời giảm thiểu những tác động bất lợi, khuyết tật, xung đột, hệ quả tiêu cực từ mối quan hệ này. Tuy nhiên, những tồn tại, hạn chế, những nan đề lớn trong việc giải quyết mối quan hệ này là: tình trạng bất bình đẳng, khủng hoảng chu kỳ, thao túng, tập trung quyền lực thị trường quá mức, lạm dụng quyền lực, “chủ nghĩa gia đình trị”, “chủ nghĩa thân hữu”, chủ nghĩa dân túy, xâm phạm quyền con người...

Trong quá trình giải quyết mối quan hệ này và định hình, hoàn thiện mô hình xã hội chủ nghĩa Việt Nam với ba trụ cột - nền kinh tế thị trường định

hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chúng ta cần phải xem xét một cách khoa học, biện chứng nội dung và phương thức những quốc gia trên thế giới đã giải quyết mối quan hệ kinh tế thị trường

– nhà nước pháp quyền – nền dân chủ như thế nào trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước để tìm ra những quy luật, nguyên lý, giá trị phổ quát, rút ra những kinh nghiệm tham khảo chọn lọc, phù hợp với đặc thù Việt Nam, tuyệt đối tránh rập khuôn, giáo điều, nóng vội, duy ý chí ■

¹ Bài viết là kết quả nghiên cứu của Đề tài KX.04.04/21-25 “Giải quyết mối quan hệ Kinh tế thị trường định hướng XHCN - Nhà nước pháp quyền XHCN - Nền dân chủ XHCN trong hoàn thiện mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam”.

² Đỗ Mai Thành: “Mô hình kinh tế thị trường Đức trong bối cảnh phát triển chính trị hiện nay”, Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 04-04-2013, <https://www.tapchicongsan.org.vn>.

³ Stiglitz, J. E. (1994). *Whither socialism?* Cambridge, MA: The MIT Press.

⁴ Thuận ngữ Nhà nước kiến tạo phát triển do Chalmers Johnson đưa ra định nghĩa, xem Chalmers Johnson, sách *MITI và câu chuyện thần kỳ của Nhật Bản (MITI and the Japanese Miracle: The Growth of Industrial Policy 1925-1975)*, xuất bản năm 1982. Từ thuật ngữ khởi đầu của Chalmers Johnson, trong một báo cáo vào năm 2012, UNDP cho rằng: “Nhà nước kiến tạo phát triển, theo nghĩa giản dị, đó là một nhà nước đóng vai trò mạnh mẽ trong nền kinh tế quốc gia với mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế” [UNDP (2012), *Democratization in a Developmental State: The Case of Ethiopia - Issues, Challenges, and Prospects*].

⁵ Xem Ezra F. Vogel và Kim Byung-kook, *Kỷ nguyên Park Chung Hee và quá trình phát triển thần kỳ của Hàn Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia dịch, 2018, Hà Nội.

⁶ Như: Phân bổ nguồn vốn thông qua các ngân hàng do Nhà nước chi phối, định hướng mạnh mẽ phát triển một số ngành công nghiệp chế biến và xuất khẩu, hỗ trợ về thị trường, bảo hộ thị trường trong nước; định hướng phát triển công nghiệp chế biến ngay từ đầu và

tập trung vào một số ngành cụ thể như: may mặc, điện tử, ô tô, gang thép, đóng tàu,...; Định hướng xuất khẩu là bắt buộc, dường như là một kế hoạch có tính pháp lệnh của Nhà nước, đến mức các doanh nghiệp nào không hoàn thành định mức xuất khẩu sẽ bị phạt cắt các khoản cho vay ưu đãi; Phát triển mạnh mẽ các tập đoàn lớn (Chaebol), vì định hướng xuất khẩu đã đặt các công ty Hàn Quốc trước sức cạnh tranh quốc tế quyết liệt, do vậy phải có các tập đoàn lớn đủ mạnh đương đầu với cạnh tranh quốc tế, và Chính phủ đã hỗ trợ mọi mặt cho sự ra đời và phát triển các tập đoàn lớn này.

⁷ Tính từ 1963 đến 1995, nghĩa là chỉ trong vòng khoảng 3 thập niên, GDP bình quân đầu người Hàn Quốc đã tăng 100 lần từ khoảng gần 100 USD lên gần 10.000 USD; có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất thế giới và đặc biệt là thời kỳ tăng trưởng cao liên tục kéo dài tới hơn 20 năm (Nhật Bản chỉ có 15 năm). Xuất khẩu hàng năm của Hàn Quốc đã tăng từ khoảng 100 triệu USD lên khoảng 100 tỷ USD. Hàn Quốc đã là cường quốc thứ hai thế giới về đóng tàu, thứ năm về sản xuất ô tô, và đứng thứ 11 thế giới về qui mô nền kinh tế. Hàn Quốc đã trở thành một nước phát triển, là thành viên của OECD vào năm 1996.

⁸ Trong đó tập trung: (i) Giảm thiểu sự can thiệp hành chính của nhà nước; cải cách các Chaebol theo luật điều chỉnh độc quyền và luật thương mại bình đẳng; tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển; (ii) Cải cách hệ thống tài chính và tiền tệ theo các nguyên tắc thị trường, tỷ giá được điều chỉnh linh hoạt hơn, gia tăng sự phân bổ các nguồn vốn thông qua thị trường vốn, chứng khoán, giảm bớt tình trạng phân bổ vốn chủ yếu thông qua các ngân hàng với sự can thiệp mạnh mẽ của chính phủ; (iii) Nhà nước đầu tư mạnh mẽ vào các chương trình công nghệ cao theo chiến lược phát triển xanh, thông minh; (iv) Đẩy mạnh hội nhập, mở cửa và tham gia vào quá trình toàn cầu hoá mạnh mẽ hơn, đặc biệt là các lĩnh vực dịch vụ, tài chính, ngân hàng; nới rộng các qui định xuất nhập cảnh và cư trú, sở hữu nhà đất cho các nhà đầu tư nước ngoài; thành lập các khu kinh tế tự do với thể chế quản trị đẳng cấp quốc tế, cơ sở hạ tầng hiện đại nhằm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, lao động chất lượng cao đến sinh sống và làm việc nhiều hơn; (v) Gia tăng đầu tư nhà nước cho các vấn đề an sinh xã hội, phát triển con người, chú trọng phát triển tầng lớp trung lưu trong xã hội ngày càng nhiều hơn, vv...

⁹ Tham khảo thêm Lê Thị Thu Mai: “Một số cải cách chính trị của Trung Quốc, Tạp chí Lý luận chính trị, số 544 (6-2023).

CUỘC CÁCH MẠNG ĐỔI MỚI VÀ XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU, NHIỆM VỤ TRONG GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI

★ TS LÊ ANH TUẤN

Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức nhà nước, Bộ Nội vụ

1. Bối cảnh của cuộc cách mạng đổi mới và xây dựng hệ thống chính trị “tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả”

“Tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả”, theo tinh thần mà đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đã chỉ ra tại bài viết cùng tên¹ là yêu cầu cấp bách đối với hệ thống chính trị của Việt Nam để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên phát triển, thịnh vượng. Phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại hội nghị tiếp xúc cử tri, đơn vị bầu cử số 1, thành phố Hà Nội ngày 03/12/2024 một lần nữa nhấn mạnh “quá trình phát triển đất nước rất lớn, rất vĩ đại”. Một cuộc cách mạng nhằm tăng cường sức mạnh của hệ thống chính trị, giải

quyết những vấn đề thách thức, cấp bách cho sự phát triển đất nước trong bối cảnh mới để đất nước không bỏ lỡ những thời cơ cần được tiến hành một cách mạnh mẽ, khẩn trương, bởi “để lỡ thời cơ là có lỗi với đất nước, với nhân dân”².

Việc thực hiện cuộc cách mạng đổi mới tổ chức của hệ thống chính trị theo hướng “tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả” là một nội dung quan trọng của sự nghiệp đổi mới; là một yêu cầu cấp thiết và tất yếu trong bối cảnh hiện nay của Việt Nam nhằm tối ưu hóa các nguồn lực, giảm thiểu chi phí hành chính, tiết kiệm ngân sách nhà nước. Từ đó, tập trung nguồn lực cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội quan trọng hơn như đầu tư vào

giáo dục, y tế, kết cấu hạ tầng. Một bộ máy công kênh, kém hiệu quả sẽ làm chậm quá trình ra quyết định, gây khó khăn cho hoạt động của người dân, doanh nghiệp và cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, sẽ không đủ linh hoạt, thích ứng nhanh với những thay đổi.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đặt ra mục tiêu đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: “Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp”³. Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: “Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao”⁴. Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: “Trở thành nước phát triển, thu nhập cao”⁵. Tuy nhiên hiện nay, tăng trưởng GDP của Việt Nam ở mức 6,5 - 7%/năm, GDP bình quân đầu người năm 2023 là 4.323 USD/người, năm 2024 đạt 4.700 USD/người, tăng cao hơn so với năm 2023 là 377 USD⁶. Chính phủ đặt mục tiêu GDP bình quân đầu người đạt 7.500 USD vào năm 2030. Thời gian

thực hiện chỉ là hơn một nhiệm kỳ của Chính phủ. Trong khi đó, năng suất lao động của Việt Nam vẫn ở mức thấp so với các nước trong khu vực⁷ và còn có khoảng cách chênh lệch đáng kể giữa các vùng, miền, khu vực trong nước. Tình hình kinh tế, chính trị thế giới hiện nay có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, nhưng khoa học - công nghệ vẫn có thêm nhiều bước tiến vượt bậc, là lực lượng sản xuất trực tiếp. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, quá trình chuyển đổi số thâm nhập, thấm sâu vào các hoạt động của đời sống kinh tế - xã hội, mở ra những cơ hội mới cho Việt Nam nhưng cũng tiếp tục gia tăng những lợi thế lớn hơn ở những quốc gia tiên tiến và áp lực cạnh tranh từ nhóm nước đang phát triển. Bên cạnh mục tiêu về kinh tế, chúng ta còn có các mục tiêu về phát triển văn hóa, xã hội, phát triển con người, bảo vệ tài nguyên, môi trường, phát triển bền vững...

Do vậy, cần quán triệt sự chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm: “Thời điểm 100 năm đất nước ta dưới sự lãnh đạo Đảng và 100 năm thành lập nước không còn xa, để đạt được các mục tiêu chiến lược, không chỉ đòi hỏi

những nỗ lực phi thường, những cố gắng vượt bậc, mà còn không cho phép chúng ta chậm trễ, lơ lửng, thiếu chính xác, thiếu đồng bộ, thiếu nhịp nhàng trên từng bước đi; muốn vậy cần khẩn trương thực hiện cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị”⁸.

2. Triển khai thực hiện cuộc cách mạng về đổi mới và xây dựng hệ thống chính trị “tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả” theo yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn tới

Đổi mới và xây dựng hệ thống chính trị “tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả” theo tinh thần phát biểu chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư triển khai vào thực tiễn, theo yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn tới, thể hiện trên các phương diện cụ thể sau đây:

Một là, về “tinh - gọn”, trên cơ sở tổng kết 7 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” một cách nghiêm túc, toàn diện về tình hình và kết quả

đạt được, những ưu điểm, khuyết điểm, hạn chế, các cơ quan trong hệ thống chính trị khẩn trương đề xuất, kiến nghị với cấp có thẩm quyền sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy bao gồm việc rà soát, sắp xếp lại các cơ quan, đơn vị; giải thể, sáp nhập hoặc chuyển giao chức năng của các cơ quan, đơn vị hoạt động kém hiệu quả, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ; giảm số lượng đầu mối các cơ quan tổ chức, giảm cấp trung gian, giảm cấp phó... Xây dựng cơ cấu tổ chức khoa học, phân công nhiệm vụ rõ ràng. Qua đó loại bỏ một bộ máy công kênh gây lãng phí và kìm hãm sự phát triển, là một trong những nguyên nhân dẫn đến nhiều chủ trương, chính sách của Đảng chậm đi vào thực tiễn cuộc sống hoặc một số chủ trương không được triển khai hoặc triển khai một cách hình thức trên thực tế. Tinh giản biên chế, đưa ra khỏi hệ thống chính trị những người không đáp ứng yêu cầu công việc, nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đồng thời, tạo điều kiện cho việc tuyển dụng và sử dụng những người có năng lực, trình độ.

Thực tiễn việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII trong thời gian qua, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đã được sắp xếp, tinh gọn và đạt được một số kết quả tích cực. Với tổ chức hành chính của bộ, cơ quan ngang bộ: đã giảm được 17 tổng cục và tổ chức tương đương tổng cục, giảm 10 cục thuộc tổng cục và thuộc bộ, giảm 144 vụ/ban thuộc tổng cục và thuộc bộ, cơ bản giảm phòng trong vụ (không tính Bộ Công an và Bộ Quốc phòng). Đối với địa phương: đã giảm được 13 sở và tương đương, giảm 2.590 phòng và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện⁹.

Về đơn vị sự nghiệp công lập: đến hết năm 2023 còn 46.540 đơn vị (giảm 8.149 đơn vị, tương đương 15,13%). Về sắp xếp đơn vị hành chính: giai đoạn 2019 - 2021 có 45/45 tỉnh, thành phố thuộc diện sắp xếp đã giảm 8 đơn vị hành chính cấp huyện, 561 đơn vị hành chính cấp xã; giai đoạn 2023 - 2025, có 51/51 tỉnh, thành phố thuộc diện sắp xếp, đã thực hiện giảm 9 đơn vị hành chính cấp huyện, 563 đơn vị hành chính cấp xã¹⁰.

Triển khai thực hiện “cuộc cách mạng” về tổ chức bộ máy, dự kiến Chính phủ khóa XV và khóa XVI (nhiệm kỳ 2026 - 2031) còn 14 bộ, 3 cơ quan ngang bộ (giảm 4 bộ và 1 cơ quan ngang bộ); có 5 cơ quan thuộc Chính phủ (giảm 3 cơ quan thuộc Chính phủ)¹¹. Đồng thời giảm 13/13 tổng cục và tổ chức tương đương; giảm 518 cục và tổ chức tương đương (trong đó giảm 59 cục và tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, giảm 459 cục và tương đương thuộc tổng cục); 218 vụ và tổ chức tương đương (trong đó, giảm 120 vụ và tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, giảm 98 vụ và tương đương thuộc tổng cục); 2.958 chi cục và tương đương; giảm 201 đơn vị sự nghiệp công lập (bao gồm các đơn vị sự nghiệp công lập không quy định trong Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ). Đối với các địa phương giảm 15% đầu mỗi khi sắp xếp các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện¹². Tiếp tục thực hiện việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã chưa bảo đảm các tiêu chuẩn về dân số và diện tích giai đoạn 2023- 2030...

Hai là, để xây dựng hệ thống chính trị “mạnh” đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giai đoạn mới, phải tập trung cải cách thể chế, hoàn thiện hệ thống quy định, pháp luật về tổ chức, hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị. Quy định cụ thể quyền hạn và trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan, bảo đảm “một cơ quan thực hiện nhiều việc, một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm chính; khắc phục triệt để chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ”, tránh tình trạng lạm quyền hoặc trốn tránh trách nhiệm... Xây dựng và thực hiện nghiêm các quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, tham nhũng, lãng phí. Xây dựng cơ chế vận hành của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị bảo đảm thống nhất, thông suốt. Các mối quan hệ ngang, dọc giữa các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, mối quan hệ lãnh đạo, quản lý giữa cấp trên và cấp dưới, giữa cá nhân người đứng đầu và tập thể, quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức cùng cấp... phải được xác định hợp lý, ăn khớp, đồng bộ, nhịp nhàng. Quy trình làm việc hiệu quả, được thiết kế một cách khoa học,

giảm thiểu sự lãng phí thời gian và nguồn lực.

Tăng cường đổi mới cơ chế phân cấp, phân quyền giữa Trung ương và địa phương theo hướng bảo đảm quản lý thống nhất của Trung ương, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng địa phương. Phân cấp, phân quyền phải rành mạch, rõ việc, rõ địa chỉ, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm. Phân định nhiệm vụ phải gắn với thẩm quyền và trách nhiệm tương ứng, phù hợp với điều kiện, đặc điểm nông thôn, đô thị, vùng núi, hải đảo và với đặc thù của từng ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội. Phân cấp, phân quyền cho các cấp chính quyền địa phương phải bảo đảm các điều kiện cần thiết về nguồn lực tài chính - ngân sách, nguồn nhân lực và các điều kiện cần thiết khác. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền nhưng phải gắn với cơ chế kiểm tra, thanh tra, giám sát quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, thực tài, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách

nhiệm. Xác định biên chế hợp lý, chuẩn hóa chức danh, xây dựng cơ chế đánh giá minh bạch, khoa học, dựa trên kết quả công việc cụ thể. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức tham mưu xây dựng thể chế, chính sách có năng lực chuyên môn cao, có tầm nhìn và khả năng dự báo. Có cơ chế, chính sách hợp lý, đủ mạnh để thu hút, trọng dụng người có tài năng và có phẩm chất đạo đức tốt vào làm việc cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị.

Ba là, về “hiệu năng”, “hiệu lực”, “hiệu quả”, quá trình đổi mới tổ chức bộ máy cũng đồng thời phải tập trung cho việc nâng cao năng suất làm việc của các cơ quan của hệ thống chính trị, giảm thiểu thời gian xử lý công việc, tăng cường tính chuyên nghiệp và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức. Hệ thống tổ chức, cơ chế, quy trình hoạt động hệ thống chính trị nói chung và bộ máy nhà nước nói riêng cần được thiết kế đồng bộ với quá trình tinh gọn tổ chức bộ máy, để các chủ trương, chính sách của Đảng

và Nhà nước, các quy định, quyết định được thực thi một cách nghiêm túc và hiệu quả trong thực tiễn, tạo ra những thay đổi tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Để xác định tính hiệu quả, việc đánh giá kết quả hoạt động cần dựa trên những tiêu chí cụ thể, đo lường được, bảo đảm nguồn lực được sử dụng một cách tối ưu, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân và xã hội.

Từ những vấn đề trên, cần phải tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành, xây dựng Chính phủ số, chính quyền số, giảm thiểu giấy tờ, thủ tục hành chính, tăng tính minh bạch; giúp các cơ quan, tổ chức phản ứng nhanh với các tình huống khẩn cấp. Tiếp tục tăng cường công tác đánh giá hoạt động và chất lượng cung ứng các dịch vụ công thông qua các bộ Chỉ số cải cách hành chính (PAR index), Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) và

các chỉ số khác, theo các chuẩn mực quốc tế...

Bên cạnh đó, đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị để đạt được “hiệu năng”, “hiệu lực”, “hiệu quả” phải bảo đảm thu hút, mở rộng sự tham gia và vai trò giám sát của người dân; tăng cường, củng cố mối quan hệ mật thiết với Nhân dân, phát huy quyền làm chủ thực sự của Nhân dân. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị phục vụ cho lợi ích của Nhân dân và dân tộc. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định một trong những nhiệm vụ trọng tâm là: “Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh... Củng cố niềm tin, sự gắn bó của nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa”¹³. Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng đặt quyền lợi của người dân vào trung tâm các quyết sách, đường lối của mình với mục đích cuối cùng là người dân được thụ hưởng thành quả của sự nghiệp cách mạng. Chính vì vậy cần thu hút được sự tham gia và giám sát rộng rãi, thực chất, cụ thể của người dân trong

những hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, thể chế, chiến lược phát triển của đất nước cũng như của cả hệ thống chính trị, nhờ vậy mới bảo đảm được tính thực tiễn, tính khả thi, không quan liêu, mang lại lợi ích thiết thực và tạo niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và cả hệ thống chính trị.

3. Giải pháp để bảo đảm thực hiện thành công việc đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng “tinh - gọn - mạnh - hiệu năng hiệu lực - hiệu quả”

Cuộc cách mạng “tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả” là một quá trình cải cách toàn diện, đòi hỏi sự quyết tâm cao và sự phối hợp đồng bộ của cả hệ thống chính trị. Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ của cuộc cách mạng theo tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, cần chú trọng thực hiện tốt những giải pháp cụ thể sau:

Một là, cần thống nhất nhận thức trong toàn hệ thống chính trị về sự cần thiết, cấp bách và ý nghĩa của việc đổi mới tổ chức bộ máy. Triển khai thực hiện việc tinh gọn tổ chức bộ máy trên cơ sở nắm rõ mục tiêu, quan điểm, nguyên tắc, nhiệm vụ và giải pháp thực

hiện, bảo đảm quyết tâm chính trị với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự ủng hộ của Nhân dân. Để thực hiện hiệu quả việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, cần tiếp tục quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Những tư tưởng chỉ đạo này cần được phổ biến rộng rãi và thấm nhuần trong toàn bộ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động, đồng thời lan tỏa mạnh mẽ trong toàn hệ thống chính trị từ trung ương đến địa phương và toàn xã hội. Trong quá trình triển khai thực hiện, cần tuân thủ tuyệt đối Cương lĩnh, Hiến pháp, Điều lệ và các văn kiện của Đảng về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Đặc biệt, cần nghiêm túc thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo việc đổi mới, sắp xếp và quản lý tổ chức bộ máy; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất của Trung ương, song song với việc phát huy tính tích cực, chủ

động và sáng tạo của từng cấp, từng ngành và từng địa phương.

Hai là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cấp ủy, cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên trong hệ thống Đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân. Việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy là một quá trình khó khăn, phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến mỗi cá nhân, nhất là khi phải giải thể hoặc sáp nhập các đơn vị. Vì vậy, công tác chính trị, tư tưởng, tuyên truyền sâu rộng trong toàn hệ thống là yếu tố then chốt để tạo sự đồng thuận. Hơn nữa, việc đề cao vai trò tiên phong, gương mẫu của các cấp lãnh đạo, từ trung ương đến các ban của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, theo tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm là vô cùng cần thiết để bảo đảm sự đoàn kết, quyết tâm cao và vì lợi ích chung.

Ba là, để bảo đảm chủ trương, chính sách của Đảng về đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị được thể chế hóa kịp thời và hiệu quả, cần hoàn thiện hệ thống thể chế và quy định pháp luật. Việc này bao gồm rà soát toàn bộ hệ thống quy định, luật và văn bản của Nhà nước để sửa đổi, bổ

sung cho phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới. Đồng thời, cần kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản phát triển, huy động và khơi thông mọi nguồn lực (bao gồm nguồn lực bên trong, bên ngoài và nguồn lực trong dân), lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Việc theo dõi sát sao quá trình triển khai thực hiện thể chế, pháp luật và thực tiễn hoạt động của các cơ quan, tổ chức theo mô hình mới là rất quan trọng. Từ đó, đánh giá kết quả hoạt động và đưa ra các giải pháp điều chỉnh kịp thời, khắc phục hạn chế và bất cập, nhằm bảo đảm hiệu lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức.

Bốn là, việc sắp xếp tổ chức bộ máy, dù mang lại nhiều hiệu quả, cũng đồng thời tác động đến tâm tư, tình cảm và quyền lợi của không ít cán bộ, công chức, viên chức. Để quá trình này diễn ra thuận lợi và bảo đảm công bằng, chúng ta cần có những chế độ, chính sách cụ thể, đủ mạnh để hỗ trợ những người bị ảnh hưởng. Điều quan trọng là phải xây dựng một cơ chế hài hòa, bảo đảm không ai bị thiệt thòi trong quá trình chuyển đổi. Đồng thời, việc đánh giá, sàng lọc, lựa chọn đối tượng

tinh giảm cũng cần được thực hiện một cách công khai, minh bạch, nhằm giữ chân những nhân tài, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Khẩn trương phục vụ cho nhiệm vụ này, ngày 31/12/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 177/2024/NĐ-CP quy định về chế độ đối với trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng; Nghị định số 178/2024/NĐ-CP quy định về chính sách đối với cán bộ, công chức, người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy; Nghị định số 179/2024/NĐ-CP quy định chính sách trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan Đảng, Nhà nước.

Năm là, thường xuyên đánh giá hiệu quả của quá trình đổi mới để kịp thời điều chỉnh những điểm chưa phù hợp; xây dựng cơ chế giám sát để bảo đảm việc thực hiện đổi mới đúng mục tiêu. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ để ngăn chặn mọi hành vi lợi dụng việc sắp xếp tổ chức nhằm mục đích tiêu cực, tham nhũng. Xử lý nghiêm minh, kịp thời và công khai các trường hợp vi phạm, không để tình trạng gây mất đoàn kết nội bộ, ảnh

hưởng đến uy tín của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia giám sát, kiểm tra việc xây dựng mô hình tổ chức bộ máy mới ■

¹ Xem bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm: “*Tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả*”, <https://baochinhphu.vn>.

² Dẫn theo Thành Chung: “*Tổng Bí thư Tô Lâm: Thời cơ đã đến, để lỡ là có lỗi với nhân dân*”, Báo Tuổi trẻ online, ngày 03/12/2024, <https://tuoitre.vn>.

^{3, 4, 5} ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.36.

⁶ Theo số liệu báo cáo của tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2024 của Tổng cục Thống kê.

⁷ Cụ thể, theo số liệu của Ngân hàng Thế giới (WB), năng suất lao động của Việt Nam năm 2022 chỉ bằng 11,4% của Singapore, 24,7% của Hàn Quốc, 26,3% của Nhật Bản, 35,4% của Malaysia, 64,8% của Thái Lan, 79% của Indonesia, 94,5% của Philippines.

⁸ GS, TS Tô Lâm: “*Tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả*”, ngày 05/11/2024, <https://www.tapchicongsan.org.vn>.

⁹ Xem Quỳnh Anh: “*Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu quả*”, ngày 02/11/2024, <https://hanoimoi.vn>.

¹⁰ Theo Báo cáo số 8677/BC-BNV ngày 31/12/2024 của Bộ Nội vụ về tình hình và kết quả thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 (tính đến ngày 31/12/2024).

¹¹ Theo Báo cáo số 219/BC-BNV ngày 11/01/2025 của Bộ Nội vụ bổ sung, hoàn thiện phương án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ.

¹² Xem Phạm Đông: “*Giảm 15% đầu mối khi sắp xếp các cơ quan cấp tỉnh, huyện*”, ngày 23/12/2024, <http://laodong.vn>.

¹³ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sdd, t.I, tr.199-200.

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI AN SINH XÃ HỘI TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

★ TS BÙI PHƯƠNG ĐÌNH

Phó Giám đốc Học viện Hành chính và Quản trị công

1. Bối cảnh hội nhập quốc tế và những tác động tới hoạt động quản lý nhà nước đối với an sinh xã hội

Gần 40 năm Đổi mới cũng là gần 40 năm Việt Nam từng bước và ngày càng chủ động tích cực, vững chắc thực hiện hội nhập quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc và mỗi người dân. Trong tiến trình bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước Hội nhập là tinh thần xuyên suốt trong lịch sử cách mạng Việt Nam.

Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao song phương với 193 quốc gia, vùng lãnh thổ; có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, đối tác chiến lược và đối tác toàn diện với nhiều quốc gia có nền kinh tế lớn.

Hợp tác quốc tế đã mang đến rất nhiều thuận lợi nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức về an ninh phi

truyền thống như: tăng trưởng không bền vững, gia tăng khoảng cách giàu nghèo, ô nhiễm môi trường, nguy cơ “chệch hướng”, “xâm lăng văn hóa”.

Bước vào kỷ nguyên vươn mình, giai đoạn phát triển mới của dân tộc với các mục tiêu đến năm 2030 trở thành quốc gia thu nhập trung bình cao và tầm nhìn đến 2045 trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao, đời sống nhân dân phồn vinh hạnh phúc, đòi hỏi sự tiếp tục phát triển nhận thức về quản lý phát triển xã hội bền vững. Sự ra đời của Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về “*hội nhập quốc tế trong tình hình mới*” rất kịp thời, là “*quyết sách đột phá*”, đánh dấu bước ngoặt có tính lịch sử trong quá trình hội nhập tích cực, chủ động và đầy đủ của đất nước, coi hội nhập quốc tế là một

động lực quan trọng đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới với nhiều thắng lợi mới. Nghị quyết 59 đặt ra yêu cầu về Chủ động đề xuất, dẫn dắt các sáng kiến hợp tác và chia sẻ kinh nghiệm trong các vấn đề Việt Nam có thế mạnh, trong đó có giảm nghèo bền vững, an ninh lương thực, bảo vệ quyền trẻ em, y tế, bình đẳng giới...

2. Nội dung, thực trạng quản lý nhà nước về an sinh xã hội trong bối cảnh hội nhập

Nội dung Quản lý nhà nước về an sinh xã hội trong bối cảnh hội nhập

Trong Chiến lược an sinh xã hội thời kỳ 2011-2020 của Việt Nam, an sinh xã hội bao gồm một hệ thống các chính sách và chương trình do Nhà nước, các đối tác xã hội và tư nhân thực hiện nhằm hỗ trợ, nâng cao năng lực của cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng quản lý rủi ro do mất việc làm, tuổi già, ốm đau, rủi ro do thiên tai, chuyển đổi cơ cấu, khủng hoảng kinh tế, dẫn đến mất thu nhập và giảm

khả năng tiếp cận đến hệ thống dịch vụ xã hội cơ bản. Theo Nghị quyết số 15-NQ/TW/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI, an sinh xã hội được hiểu là một hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và cộng đồng nhằm giảm mức độ nghèo đói và tổn thương, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và

Tại Đại hội XIII của Đảng, mục VIII quy định: “*Quản lý phát triển xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội*” đã nêu cụ thể 02 nội dung và các yêu cầu chính của quản lý phát triển xã hội bền vững.

xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội.

Tại Đại hội XIII của Đảng, mục VIII quy định: “*Quản lý phát triển xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội*” đã nêu cụ thể 02 nội dung và các yêu cầu

chính của quản lý phát triển xã hội bền vững. Cụ thể gồm:

(1) *Nhóm vấn đề về quan điểm và mục tiêu quản lý phát triển xã hội bền vững*: Nhận thức và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong các chính sách xã hội; Dự báo biến đổi cơ cấu xã hội để xây dựng và thực hiện đồng bộ thể chế, chính sách phát triển

xã hội, quản lý phát triển xã hội bền vững, hài hoà;

(2) *Nhóm vấn đề về nội dung*: Chính sách đối với người có công; Cải cách chính sách tiền lương; Nâng cao phúc lợi xã hội, an sinh xã hội, tiếp tục bảo đảm những nhu cầu cơ bản, thiết yếu của Nhân dân về nhà ở, đi lại, giáo dục, y tế, việc làm; Phát triển thị trường lao động, hướng đến việc làm bền vững; Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, tiến tới bao phủ toàn dân; Xây dựng và thực thi có hiệu quả chính sách dân số và phát triển, phát huy lợi thế thời kỳ dân số vàng, đồng thời chuẩn bị điều kiện thích ứng với già hoá dân số, nâng cao chất lượng dân số; Phát triển và cải thiện các dịch vụ bảo đảm cuộc sống con người ngày càng tốt hơn, hiệu quả hơn, công bằng hơn trong điều kiện tiếp cận.

Trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định chính sách đảm bảo an sinh xã hội có vai trò đặc biệt quan trọng, là mục tiêu, là động lực để phát triển nhanh và bền vững. Nghị quyết số 15-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và Nghị quyết số 70/NQ-CP của Chính phủ đã

tạo nền tảng quan trọng về nhận thức và thực tiễn thực hiện các chính sách an sinh xã hội đối với toàn bộ các cấp chính quyền và người dân, góp phần cải cách chính sách xã hội phù hợp với yêu cầu phát triển xã hội của một nước có thu nhập trung bình. Đến nay, hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết đã đạt và vượt mức nhưng vẫn còn một số chỉ tiêu chậm so với mục tiêu đề ra. Những hạn chế chưa được khắc phục và có những vấn đề mới phát sinh nên đặt ra rất nhiều thách thức. Nên cần tập trung nhận diện các vấn đề xã hội mới, những vấn đề cần ưu tiên trong chính sách xã hội đến năm 2030 để có những chủ trương, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp khả thi, phù hợp với xu thế, thực tiễn của từng địa phương, đất nước trong thời kỳ đổi mới.

Những chuyển biến mới trong quản lý nhà nước về an sinh xã hội ở Việt Nam

Những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta đã xác định rõ vị trí, vai trò chiến lược của an sinh xã hội trong phát triển bền vững đất nước. Nghị quyết số 42-NQ/TW năm 2023 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã khẳng định rõ chính sách xã

hội là chính sách đối với con người, vì con người, với mục tiêu hướng đến ổn định và phát triển. Theo đó, hệ thống an sinh xã hội cần được thiết kế một cách toàn diện, hiện đại, bao trùm và bền vững. Đây là những chuyển hướng tư duy quan trọng, phản ánh yêu cầu của thời kỳ mới.

Chiến lược an sinh xã hội giai đoạn 2021-2030 cũng đã đề xuất cải cách theo hướng thống nhất đầu mối quản lý nhà nước về an sinh xã hội, tăng cường phân cấp cho địa phương, đồng thời đẩy mạnh phối hợp liên ngành và ứng dụng công nghệ số trong cung ứng dịch vụ. Đây là những cải cách quan trọng nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống quản trị an sinh xã hội.

Trong năm 2025, việc tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực. “*Hơn 13,5 triệu lượt đối tượng được hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán, với tổng kinh phí trên 7.800 tỷ đồng. Bên cạnh đó, trên 6.800 tấn gạo đã được phân phát cho hàng trăm nghìn người dân gặp khó khăn trong thời kỳ giáp hạt*”. Những con số này không chỉ phản ánh khả năng huy động nguồn lực, mà còn cho

thấy vai trò điều phối hiệu quả của các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

Như vậy, quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng đã đặt ra nhiều cơ hội và thách thức mới cho công tác quản lý nhà nước về an sinh xã hội. Một mặt, Việt Nam có điều kiện tiếp cận các chuẩn mực và mô hình tiên bộ từ quốc tế; mặt khác, phải đối diện với áp lực cải cách để phù hợp với cam kết và yêu cầu phát triển bền vững. Việt Nam đã tiếp cận những khuyến nghị mới nhất từ các tổ chức quốc tế, như Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) hay Ngân hàng Thế giới (WB), trong xây dựng hệ thống an sinh xã hội. Báo cáo an sinh xã hội Thế giới 2024–2026 do ILO công bố đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo đảm bao phủ toàn dân, công bằng và khả năng tài chính bền vững - những yêu cầu mà Việt Nam đang từng bước đáp ứng. Trong khi đó, theo dự báo của WB, để bảo vệ người dân hiệu quả hơn trước các cú sốc kinh tế - xã hội, Việt Nam cần tăng tỷ lệ chi cho an sinh xã hội từ mức hiện tại khoảng 2,5% GDP lên mức gần 4,5%. Điều này đòi hỏi một chiến lược tài khóa hợp lý, cũng như đổi mới toàn

diện phương thức quản lý và giám sát chính sách xã hội.

Như vậy, để hoạt động quản lý nhà nước về an sinh xã hội đạt hiệu lực, hiệu năng và hiệu quả rất cần đến tầm nhìn chiến lược, tầm hoạch định, thực thi lẫn đánh giá chính sách. Ứng dụng công nghệ thông tin, quản trị dữ liệu lớn, chuyển đổi số trong cung cấp dịch vụ công... cũng sẽ là những yếu tố không thể thiếu của hệ thống an sinh xã hội hiện đại.

Bên cạnh đó, trong thời gian qua công tác về an sinh xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, hiệu quả, bao gồm các nội dung nổi bật sau:

Thứ nhất, hệ thống bảo hiểm xã hội được quan tâm, phát triển và triển khai đồng bộ trên 3 loại hình: bảo hiểm bắt buộc, bảo hiểm tự nguyện và bảo hiểm thất nghiệp. Kết quả hoạt động bảo hiểm xã hội trong 4 tháng đầu năm 2025: “*Bảo hiểm y tế tăng trưởng so với cùng kỳ; quyền lợi người dân tham gia bảo hiểm xã hội và đối tượng thụ hưởng chính sách được đảm bảo. Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã hoàn thành sớm việc chi trả lương hưu, trợ cấp Bảo hiểm xã hội kỳ*

tháng 5/2025 trước ngày 28/4 cho hơn 3,4 triệu người hưởng”.

Thứ hai, hệ thống chính sách ưu đãi người có công với cách mạng không ngừng được nâng cao. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Công văn số 6402/BLĐTBXH-NCC ngày 16/12/2024 hướng dẫn các địa phương về việc tặng quà của Chủ tịch nước cho người có công với cách mạng đảm bảo kịp thời, đầy đủ, đúng đối tượng. Chính quyền địa phương các cấp cũng tích cực, chủ động bố trí ngân sách hoặc vận động nguồn lực xã hội tặng quà Tết cho người có công với cách mạng. Tổng các nguồn kinh phí hỗ trợ, tặng quà Tết cho người có công với cách mạng và thân nhân người có công khoảng 2.804 tỷ đồng (tăng 59 tỷ đồng so với dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024).

Thứ ba, Các chính sách trợ giúp xã hội được thực hiện rộng rãi và quy mô lớn hơn. Tính đến ngày 31/1/2025, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với Bộ Tài chính rà soát, thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 5 quyết định hỗ trợ tổng số trên 6.876 tấn gạo cứu đói cho 104.315 hộ với 458.401 nhân khẩu thiếu đói dịp

tết Nguyên đán Ất Tỵ và giáp hạt đầu năm 2025 cho các tỉnh: Gia Lai, Ninh Thuận, Cao Bằng, Đắk Lắk, Kon Tum, Hà Giang, Bắc Kạn, Đắk Nông, Tuyên Quang và Sóc Trăng.

Hưởng ứng phong trào thi đua “*Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước trong năm 2025*”, nhiều địa phương đã tích cực triển khai hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát có hiệu quả tích cực, nhiều người dân đã được hỗ trợ để đón Tết trong các căn nhà mới. Theo đó, hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng là “6.962 căn nhà; trong đó, số nhà đã khánh thành: 3.166 căn; số nhà khởi công: 3.796 căn”. Còn hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình phát động xóa nhà tạm, nhà dột nát là “gần 209.000 căn, hoàn thành, bàn giao hơn 111.000 căn để các hộ gia đình được ở trong ngôi nhà mới; xây dựng hơn 98.000 căn”. Từ sau Phiên thứ ba đến nay (đúng 2 tháng), tăng gần 87.000 căn nhà. Ngoài ra Bộ Công an tiếp tục hỗ trợ thêm để “xây dựng 4.444 căn nhà với kinh phí hơn 283 tỷ đồng; Bộ Quốc phòng hỗ trợ thêm để xây dựng 3.550 căn nhà với kinh phí khoảng 195 tỷ đồng; với nguồn chủ

yếu từ đóng góp của cán bộ, chiến sĩ. Ngành ngân hàng tiếp tục vận động các tổ chức tín dụng hỗ trợ bổ sung khoảng 130 tỷ đồng”.

Bên cạnh những mặt thuận lợi thì vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc. Đầu đó vẫn còn bất cập và yếu kém trong quản lý nhà nước đối với an sinh xã hội.

Cụ thể:

Thứ nhất, xu thế già hóa dân số đang và sẽ đặt ra nhiều khó khăn cho hệ thống an sinh xã hội hiện hành và trong tương lai, sẽ tạo áp lực lớn lên hệ thống y tế, bảo hiểm xã hội, các dịch vụ chăm sóc xã hội cho người cao tuổi. Việt Nam đang bước vào giai đoạn già hóa dân số với tốc độ nhanh hàng đầu thế giới. Nguyên nhân xuất phát từ việc tỷ lệ sinh giảm kéo dài cùng với tuổi thọ trung bình ngày càng tăng do sự cải thiện về y tế và điều kiện sống. Theo Tổng cục Thống kê, “*hiện nay Việt Nam có khoảng 16,1 triệu người từ 60 tuổi trở lên (chiếm khoảng 16% dân số), và dự báo đến năm 2038, Việt Nam sẽ chính thức bước vào giai đoạn dân số già khi trên 14% dân số ở độ tuổi 65 trở lên*”. Thực tế này đang đặt ra nhiều thách thức đối với hệ thống an sinh xã

hội, đặc biệt là bảo hiểm xã hội, y tế và các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi. Người cao tuổi thường mắc các bệnh mạn tính và cần được chăm sóc y tế dài hạn, trong khi đó tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội và y tế của nhóm này vẫn còn thấp. Áp lực tài chính cho việc chi trả lương hưu, bảo hiểm y tế và trợ cấp xã hội ngày càng tăng, trong khi lực lượng lao động trẻ - những người đang đóng góp cho quỹ - lại có xu hướng giảm. So với các quốc gia phát triển như Nhật Bản, Hàn Quốc hay các nước châu Âu, Việt Nam có thời gian chuyển từ “dân số vàng” sang “dân số già” ngắn hơn rất nhiều, khiến công tác chuẩn bị chính sách và cơ sở hạ tầng chưa kịp thích ứng. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết cần mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, nâng tuổi nghỉ hưu hợp lý, tăng cường các dịch vụ chăm sóc tại nhà và cộng đồng, cũng như phát huy vai trò của người cao tuổi trong phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ hai, khó khăn trong quá trình tiệm cận, ứng dụng công nghệ trong quản lý nhà nước đối với an sinh xã hội. Chuyển đổi số là xu hướng tất yếu trong quản lý nhà nước hiện đại, đặc biệt trong lĩnh vực an sinh xã hội vốn

liên quan đến lượng dữ liệu lớn và nhiều nhóm đối tượng. Tuy nhiên, tại Việt Nam, việc ứng dụng công nghệ vào quản lý an sinh xã hội còn gặp nhiều trở ngại.

Trước hết là do hạ tầng công nghệ thông tin tại nhiều địa phương còn yếu, đặc biệt ở các huyện, xã vùng sâu vùng xa. Nhiều cán bộ làm công tác an sinh xã hội chưa được đào tạo bài bản về công nghệ, trong khi đó các đối tượng thụ hưởng - nhất là người cao tuổi, người dân ở khu vực khó khăn - phần lớn chưa có kỹ năng sử dụng công nghệ số.

Hệ thống dữ liệu quản lý hiện nay vẫn còn phân tán giữa các cơ quan, thiếu tính liên thông, dẫn đến tình trạng chồng chéo, sai lệch hoặc bỏ sót thông tin. Mặc dù một số ứng dụng như VssID đã được triển khai, nhưng mức độ sử dụng còn hạn chế do khó tiếp cận hoặc thiếu hướng dẫn cụ thể.

Thứ ba, vẫn còn một số chồng chéo, bất cập trong Luật Bảo hiểm xã hội 2024 và các văn bản quy phạm pháp luật khác. Mặc dù Luật Bảo hiểm xã hội 2024 đã được ban hành nhằm điều chỉnh và mở rộng phạm vi chính sách, nhưng trên thực tế vẫn còn tồn tại

nhiều chồng chéo và bất cập với các văn bản pháp luật khác như Luật Việc làm, Luật Lao động, Luật An toàn vệ sinh lao động... Một trong những ví dụ điển hình là quy định liên quan đến người lao động có hợp đồng dưới 3 tháng. Trong khi Luật Bảo hiểm xã hội quy định phải đóng bảo hiểm bắt buộc, thì Luật Việc làm lại không công nhận nhóm lao động này là có việc làm ổn định, dẫn đến mâu thuẫn trong việc xác định chế độ. Điều này gây khó khăn cho việc thực thi chính sách, tạo kẽ hở cho doanh nghiệp trốn đóng Bảo hiểm xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người lao động.

Bên cạnh đó, việc hướng dẫn thực hiện Luật còn chậm, thiếu tính thống nhất giữa các ngành, dẫn đến lúng túng trong tổ chức thực hiện ở địa phương. Một số nội dung mới của Luật Bảo hiểm xã hội 2024 như khái niệm “*mức lương tham chiếu*”, “*tham gia Bảo hiểm xã hội linh hoạt*”... vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể.

Thứ tư, tỷ lệ lao động phi chính thức còn cao, chiếm trên $\frac{1}{2}$ lực lượng lao động có việc làm nên tiếp cận chính sách về bảo hiểm xã hội, các dịch vụ an sinh chưa đảm bảo

Lao động phi chính thức chiếm tỷ trọng rất lớn trong lực lượng lao động Việt Nam, theo Tổng cục Thống kê, quý II/2024 có “*khoảng 33,5 triệu người làm việc ở khu vực này, tương đương 65,2% tổng số lao động có việc làm*”. Đa phần lao động phi chính thức làm việc không có hợp đồng lao động ổn định và thường không được đóng bảo hiểm xã hội theo quy định. Vì vậy, dù các chính sách an sinh xã hội (như BHXH, BHYT, trợ giúp xã hội) đã được mở rộng, nhưng nhóm lao động này vẫn khó tiếp cận đầy đủ. Cụ thể, họ thường chỉ đóng BHYT theo chính sách hộ gia đình hoặc chính sách tự nguyện với mức hỗ trợ thấp, hầu như không tham gia BHXH bắt buộc hoặc thất nghiệp, nên khi ốm đau, tai nạn hoặc về già thường không có bảo đảm về thu nhập và hỗ trợ từ quỹ bảo hiểm. Tình trạng này góp phần làm cho giảm nghèo chưa bền vững, tỷ lệ tái nghèo cao và khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn.

Thứ năm, các lĩnh vực an sinh xã hội đang phân mảnh giữa các bộ ngành tài chính, nội vụ, dân tộc tôn giáo...

Từ năm 2025, hệ thống an sinh xã hội Việt Nam hiện nay, trách nhiệm

quản lý và tổ chức thực hiện đang được phân công cho nhiều cơ quan khác nhau (Bộ Tài chính chủ trì BHXH, BHTN; Bộ Y tế chủ trì BHYT; Bộ Dân tộc và tôn giáo phụ trách các chính sách đối với đồng bào DTTS; Bộ Nội vụ tham gia tổ chức bộ máy, v.v.). Theo đánh giá, “*hệ thống chính sách ASXH hiện còn rất công kênh, chồng chéo, với hàng trăm văn bản do nhiều cấp ban hành và tổ chức thực hiện. Sự phân mảnh này dẫn đến phối hợp còn lỏng lẻo, nhiều chính sách độc lập đôi khi trùng lặp hoặc bỏ sót nhóm đối tượng*”. Hậu quả thực tiễn là chính sách ASXH chưa đồng bộ: các đối tượng hưởng BHYT, BHXH hay trợ giúp xã hội có thể rơi vào “vùng trống” khi ranh giới quản lý không rõ ràng. Ví dụ, nhiều thủ tục liên quan đến xác định đối tượng thụ hưởng hỗ trợ xã hội hay chính sách trợ cấp chưa được kết nối dữ liệu qua các bộ, ngành, tạo kẽ hở bỏ lọt những người thực sự khó khăn. Bên cạnh đó, việc mỗi bộ ban hành và hướng dẫn thủ tục riêng lẻ cũng làm tăng gánh nặng hành chính, gây nhầm lẫn cho người dân và doanh nghiệp khi tiếp cận.

3. Một số giải pháp để đảm bảo quản lý nhà nước đối với an sinh xã hội trong bối cảnh hội nhập

Thứ nhất, đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả, chất lượng hội nhập và hợp tác quốc tế về quản lý phát triển an sinh xã hội bền vững. Chủ động tích cực và có trách nhiệm tham gia đóng góp, xây dựng thực hiện các điều ước và tiêu chuẩn quốc tế của Liên hợp quốc, Tổ chức Lao động quốc tế, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc, Quỹ Dân số Liên hợp quốc, các hiệp định hợp tác quốc tế song phương và đa phương, nhất là FTA thế hệ mới, liên quan đến bảo đảm an sinh xã hội.

Thứ hai, nhanh chóng hoàn thiện khung pháp luật khoa học, hiệu quả. Hoàn thiện các nghị định, thông tư hướng dẫn Luật Bảo hiểm xã hội 2024 theo hướng đồng bộ, dễ hiểu, dễ thực hiện. Đồng thời, cần có cơ chế phối hợp liên ngành chặt chẽ giữa Bộ Nội Vụ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các bộ, ngành liên quan để kịp thời tháo gỡ vướng mắc.

Thứ ba, tăng cường nguồn lực (nhân lực và vật lực) quản lý nhà nước về an sinh xã hội phù hợp các yêu cầu của bối cảnh hội nhập quốc tế. Để thực hiện giải

pháp này cần tập trung vào nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo chuyên sâu về hội nhập, luật pháp quốc tế, các tiêu chuẩn an sinh xã hội, thu hút nhân tài có kinh nghiệm quốc tế và đẩy mạnh hợp tác quốc tế về đào tạo, phát triển đội ngũ chuyên gia. Đồng thời, cần tăng cường cơ sở vật chất bằng cách đầu tư hạ tầng hiện đại, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia và phát triển các nền tảng số cho dịch vụ an sinh xã hội, đảm bảo an ninh mạng...

Thứ tư, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm vi phạm cũng là những yếu tố không thể thiếu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý an sinh xã hội.

Tăng cường sự tham gia của các đoàn thể chính trị - xã hội và tổ chức xã hội, tiếp tục thể chế hóa quyền tham gia của người thụ hưởng. Tăng cường dân chủ cơ sở và dân trí cho người dân tham gia vào quá trình xây dựng, giám sát và cung cấp dịch vụ của các chính sách. Xây dựng các tiêu chí/tiêu chuẩn theo dõi, đánh giá, giám sát đối với lĩnh vực an sinh xã hội, phúc lợi xã hội trong đó có quy định chức năng nhiệm vụ cụ thể đối với các bên liên quan.

Thứ năm, nghiên cứu, xây dựng, áp dụng Bộ tiêu chí về phát triển xã hội bền vững và quản lý phát triển xã hội bền vững của Việt Nam để có cơ sở đo lường, đánh giá, giám sát tiến bộ, công bằng xã hội hằng năm, nhiệm kỳ nhằm thực hiện đạt mục tiêu phát triển bền vững đất nước vào năm 2030 và 2045

Nghiên cứu bổ sung một số chỉ tiêu ở cấp độ kết quả đầu ra hoặc ảnh hưởng tác động đến phát triển xã hội bền vững và kiểm soát phân tầng xã hội. Các chỉ tiêu này nên được tham chiếu với các chỉ báo so sánh quốc tế như chỉ số phát triển con người - HDI, Mười bảy mục tiêu phát triển bền vững - SDGs, hệ số bất bình đẳng thu nhập - GINI, chỉ số hạnh phúc thế giới - WHI.

Tóm lại, quản lý nhà nước về an sinh xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế đòi hỏi sự nỗ lực không ngừng, tầm nhìn chiến lược và hành động quyết liệt từ Chính phủ và toàn xã hội. Chỉ khi đó, Việt Nam mới có thể xây dựng được một hệ thống an sinh xã hội vững mạnh, toàn diện, góp phần đảm bảo ổn định chính trị - xã hội, phát triển kinh tế bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc ■

ĐẤU TRANH BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG, BẢO VỆ ĐẢNG, NHÀ NƯỚC, NHÂN DÂN VÀ CHẾ ĐỘ TRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG XÃ HỘI

★ TS VŨ TRỌNG HÀ

*Vụ trưởng, Chánh Văn phòng,
thành viên chuyên trách Ban Chỉ đạo 35 Trung ương*

Từ khi ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ; trên cơ sở đó, kiên quyết, kiên trì đấu tranh với mọi âm mưu, thủ đoạn xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch, phản động. Trong những năm gần đây, ở từng thời điểm cụ thể, lợi dụng những khó khăn, vướng mắc cần phải giải quyết, những vấn đề phức tạp nảy sinh từ thực tiễn của đời sống xã hội, các thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước câu kết, móc nối, gia tăng các hoạt động chống phá bằng các phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh

vi, xảo quyệt, để xuyên tạc, bóp méo sự thật nhằm gây nhiễu loạn thông tin, làm phức tạp về an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội hòng làm giảm niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân với Đảng và Nhà nước và chế độ ta.

1. Trước tình hình đó, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành một số nghị quyết, chỉ thị để lãnh đạo, chỉ đạo công tác này, như Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 17/4/2009 của Ban Bí thư về tăng cường cuộc đấu tranh chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa; Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 16/9/2013 của Ban Bí thư về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông

tin mạng; Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 25/12/2013 của Bộ Chính trị về phát triển và tăng cường quản lý báo chí điện tử, mạng xã hội và các loại hình truyền thông khác trên internet; Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; tiếp đến, Văn kiện Đại hội XII của Đảng đã định hướng chỉ đạo: Đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Tăng cường đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; chủ động, ngăn chặn, phản bác các thông tin, quan điểm xuyên tạc, sai trái, thù địch. Đặc biệt, ngày 22/10/2018, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ: “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các

quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”¹.

Đặc biệt, ngày 25/7/2024, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 89-KL/TW về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”. Kết luận số 89-KL/TW là cơ sở lý luận vững chắc khẳng định đường lối, chủ trương của Đảng ta về công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ là đúng đắn và phù hợp với xu thế của thời đại trong giai đoạn mới.

Theo đó, trong từng năm và từng thời điểm cụ thể, các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Trong đó, nòng cốt là Ban Chỉ đạo 35 các cấp với hoạt động đã dần đi vào nền nếp, tích cực, chủ động triển khai nhiều biện pháp đồng bộ, chú trọng tuyên truyền giáo dục, nâng



GS, TS Lê Văn Lợi, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Giám đốc, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo 35 Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phát biểu chỉ đạo Lễ phát động Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng lần thứ năm, năm 2025 _ Ảnh: HCMA

cao nhận thức trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị; đồng thời, có nhiều biện pháp đấu tranh, ngăn chặn thông tin xấu độc, các quan điểm sai trái, thù địch, quan tâm xử lý những đối tượng vi phạm pháp luật.

Bám sát diễn biến tình hình và xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ, Ban Chỉ đạo 35 các cấp đã tập trung phối hợp, chỉ

đạo các đơn vị chức năng theo dõi nắm chắc tình hình hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, lợi dụng các sự kiện chính trị, vụ việc phức tạp nhạy cảm, những vấn đề mới phát sinh được dư luận quan tâm để thực hiện chống phá; kịp thời chỉ đạo định hướng thông tin, tổ chức lực lượng trong toàn hệ thống từ trung ương đến địa phương viết bài định hướng tuyên truyền, đấu tranh phản bác thông tin xấu, độc đăng

tải trên báo chí, internet, mạng xã hội. Thường xuyên chỉ đạo các cơ quan báo chí từ trung ương đến các địa phương nâng cao chất lượng chuyên trang, chuyên mục, thời lượng, chương trình, tuyển tin, bài, phóng sự giới thiệu thành tựu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, tin giả, thông tin sai sự thật, xấu độc; tích cực chủ động biên tập, chuyển đổi các bài viết, phóng sự thành sản phẩm truyền thông ngắn gọn, hấp dẫn, phù hợp với cộng đồng mạng để đăng tải, chia sẻ, lan tỏa trên không gian mạng. Đồng thời, chỉ đạo các lực lượng tập trung nắm tình hình, lựa chọn nội dung cần tập trung đấu tranh, kịp thời viết bài, xây dựng video-clip đấu tranh phản bác thông tin xấu độc. Hằng năm, đã có hàng nghìn tin, bài, hàng triệu bình luận, hàng trăm video-clip vạch trần âm mưu, thủ đoạn xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị.

Các lực lượng chuyên trách đã thực hiện đấu tranh, ngăn chặn hàng trăm tài liệu tuyên truyền, kích động chia rẽ,

xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thu hồi, chặn lọc, vô hiệu hóa hàng nghìn tài liệu, sách báo có nội dung xấu độc; thường trực giám sát các trang thông tin điện tử, tài khoản mạng xã hội của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị; đấu tranh ngăn chặn các chiến dịch kích động biểu tình, bạo loạn lật đổ trên internet, mạng xã hội. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an toàn thông tin, an ninh mạng; kiểm tra, rà soát trên không gian mạng, đưa các trang thông tin điện tử, tài khoản mạng xã hội có nội dung xấu độc vào danh sách ngăn chặn, xử lý. Thường xuyên đấu tranh yêu cầu Google, Facebook, TikTok hợp tác ngăn chặn, gỡ bỏ các thông tin xấu độc; các trang, nhóm, tài khoản mạng xã hội đăng tải tin giả, thông tin sai sự thật, xấu độc chống phá Đảng, Nhà nước và chế độ.

Ban Chỉ đạo 35 các cấp đã tập trung tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Tích cực chỉ đạo nghiên cứu các đề tài, đề án, hội thảo khoa học chuyên sâu, xuất bản những

ấn phẩm có giá trị khoa học, lý luận, thực tiễn để cung cấp những luận cứ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Trong đó, luận giải tính đúng đắn, nhân văn, tính khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tính tất yếu khách quan về sự kiên định lý tưởng cộng sản, kiên trì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới. Đồng thời, tập trung phê phán, bác bỏ, phản bác trực diện những luận điểm sai trái của những phần tử phản động, cơ hội chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, chỉ rõ những sai lầm, sự nguy hại của những luận điểm sai trái đối với cách mạng nước ta.

Ban Chỉ đạo 35 các cấp quan tâm, coi trọng xây dựng lực lượng, tổ chức phối hợp đấu tranh. Đa dạng hình thức đấu tranh, bước đầu sử dụng các biện pháp kỹ thuật đấu tranh có hiệu quả và có sự kết nối lực lượng giữa trung ương với các địa phương trong đấu tranh phản bác thông tin xấu độc trên internet, mạng xã hội; thiết lập và duy

trì được hàng trăm trang thông tin điện tử, tài khoản mạng xã hội của các lực lượng để đăng tải thông tin tích cực, lan tỏa, chia sẻ bài viết đấu tranh phản bác thông tin xấu độc. Các hình thức tin, bài đấu tranh trên internet, mạng xã hội ngày càng đa dạng hơn: Từ chính luận, phóng sự, đối thoại đến các hình thức văn học, nghệ thuật, video clip... đều đã được sử dụng.

Có thể khẳng định, trong thời gian qua, công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ luôn được Bộ Chính trị, Ban Bí thư quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao; các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền địa phương, đơn vị đã có sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, quan tâm chỉ đạo và xác định rõ vai trò, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới theo Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị. Sự phối hợp giữa Ban Chỉ đạo 35 các cấp trong thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch được chặt chẽ, cụ thể, đồng bộ và nhịp nhàng hơn. Hầu hết các bộ, ngành, địa phương đã tích cực kiện toàn bộ

máy, chủ động chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ công tác này và đạt một số kết quả tích cực. Việc tổ chức thực hiện luôn được kịp thời, hiệu quả và thuyết phục hơn trước; tích cực áp dụng các giải pháp công nghệ trong ngăn chặn, gỡ bỏ, triệt phá trang thông tin điện tử, tài khoản mạng xã hội và xử lý các tổ chức, cá nhân đăng tải thông tin xấu độc, các quan điểm sai trái, thù địch. Công tác tuyên truyền thông tin chính thống, tích cực, được quan tâm thực hiện và tạo thành dòng chủ lưu trên không gian mạng.

Tuy nhiên, chúng ta cũng thẳng thắn nhìn nhận, trên thực tế còn một bộ phận cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội chưa thực sự quan tâm đến công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân, thiếu các biện pháp đấu tranh, ngăn chặn, xử lý quyết liệt thông tin xấu độc. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân chưa nhận thức đúng tính chất nguy hại của thông tin xấu độc, các quan điểm sai trái, thù địch trên internet, mạng xã hội. Công tác tham mưu, định hướng chỉ đạo hoạt động, tổ chức đấu tranh phản bác liên quan đến một số vụ việc

phức tạp có lúc thiếu kịp thời; việc chỉ đạo, phối hợp các lực lượng giữa trung ương và địa phương có thời điểm thiếu đồng bộ, dẫn đến hiệu quả đấu tranh ngăn chặn thông tin xuyên tạc có vụ việc còn hạn chế. Một số bộ, ngành, địa phương chưa chủ động huy động lực lượng tham gia đấu tranh, ngăn chặn thông tin xấu độc chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ; vẫn còn tình trạng có tư tưởng thụ động, trông chờ, phụ thuộc vào thông tin định hướng, bài viết của nhóm chuyên gia, cộng tác viên trung ương và lực lượng của quân đội, công an; việc xử lý đối tượng đăng tải, tán phát tin giả, thông tin sai sự thật, xấu độc đã có kết quả bước đầu, nhưng chưa quyết liệt.

Từ kết quả công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ trong thời gian qua có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Thứ nhất, phải kiên định lập trường, kiên trì mục tiêu, xây dựng đối sách, kế hoạch chi tiết, cụ thể, chỉ đạo tập trung, thông suốt, tổ chức triển khai khẩn trương, bài bản, sâu rộng, kịp thời là yếu tố quan trọng tiên quyết bảo đảm giành thắng lợi trong công tác bảo

vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Thứ hai, thiết lập cơ chế trách nhiệm rõ ràng, điều hành thống nhất, phối hợp chặt chẽ là những điều kiện cần thiết để việc triển khai các nhiệm vụ đạt kết quả tích cực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tình hình mới. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, nhịp nhàng giữa các cơ quan, ban, ngành trong thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Sự tích cực vào cuộc của cả hệ thống chính trị, trước hết là các cấp ủy, chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn bộ máy, chủ động tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên.

Thứ ba, chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp “xây” và “chống”, “xây” là cơ bản, lâu dài, phải thuyết phục, hiệu quả; “chống” là cấp bách, thường xuyên, chủ động, quyết liệt; kết hợp các biện pháp tuyên truyền giáo dục lý luận chính trị, thông tin tích cực và tuyên truyền đấu tranh phản bác thông tin xấu độc trên báo chí, mạng xã hội; triển khai đồng bộ các biện pháp đấu tranh chính trị, ngoại giao, pháp lý, kinh tế, kết hợp các giải pháp

khoa học - kỹ thuật và công nghệ, xử lý hành chính, hình sự...

2. Trong thời gian tới, nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ đặt trong bối cảnh khó khăn, thách thức đan xen của tình hình thế giới; quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, hợp tác, cạnh tranh giữa các nước lớn tiềm ẩn, nảy sinh những yếu tố phức tạp, khó lường trong từng giai đoạn, thời điểm cụ thể. Trong khi đó, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đang quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển đảo, mở rộng quan hệ đối ngoại của đất nước ta; những sự kiện chính trị quan trọng của Đảng, Nhà nước, nhất là công tác chuẩn bị đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội XIV của Đảng; có thể sẽ còn những vụ việc phức tạp, nhạy cảm nảy sinh trong thực tiễn... đây là những vấn đề các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị sẽ đặc biệt quan tâm, triệt để lợi dụng để gia tăng các hoạt động chống phá, tấn công, đánh thẳng vào nền tảng tư

tưởng, chống phá Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ.

Trước tình hình đó, để có được chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng và hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên và Nhân dân; đồng thời, khắc phục, sửa chữa những hạn chế, yếu kém của công tác này trong thời gian qua, nhằm góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh, an toàn, phát triển bền vững đất nước, cần quan tâm thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau đây:

Một là, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị tham gia công tác đấu tranh, ngăn chặn, xử lý thông tin, quan điểm sai trái, thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ, không bị động, bất ngờ trước mọi hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị. Đồng thời, tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, Ban Chỉ đạo 35 các cấp, nhất là lực lượng nòng cốt: tuyên giáo, công an, quân đội, thông tin và truyền thông trong đấu tranh, ngăn chặn, xử lý thông tin, quan điểm

sai trái, thù địch chống phá Đảng, Nhà nước trên internet, mạng xã hội. Chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện đồng bộ các giải pháp kết hợp hiệu quả giữa “xây” và “chống”, “xây” là cơ bản, lâu dài, “chống” là cấp bách, thường xuyên, chú trọng xây dựng, đăng tải, lan tỏa, chia sẻ thông tin tích cực. Bảo đảm hoạt động chỉ đạo, điều hành của Ban Chỉ đạo 35 các cấp đồng bộ, kịp thời, thiết thực, hiệu quả; phát huy tinh thần tích cực, chủ động sáng tạo của các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị trong phối hợp thực hiện nhiệm vụ công tác này.

Hai là, bám sát thực tiễn, chủ động đề ra các nhiệm vụ cụ thể thích ứng với từng năm, từng thời điểm cụ thể, đề cao trách nhiệm, tổ chức chặt chẽ, đa dạng các hình thức đấu tranh, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông và các giải pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, ngăn chặn, xử lý thông tin xấu độc trên internet, mạng xã hội. Bảo đảm an toàn, bí mật, kịp thời, hiệu quả, sẵn sàng, chủ động xử lý các tình huống mới phát sinh. Tăng cường chỉ đạo, phối hợp rà soát, thúc đẩy hoàn thiện cơ sở pháp lý, đưa Luật An ninh

mạng và các văn bản pháp luật liên quan đi vào đời sống thực tiễn. Vận dụng tối đa các giải pháp khoa học - kỹ thuật và công nghệ, phần mềm ứng dụng rà quét, chặn lọc thông tin xấu độc, lan tỏa thông tin tích cực. Đẩy mạnh đàm phán ngoại giao, nâng cao hiệu quả đấu tranh pháp lý, kinh tế, kỹ thuật với các doanh nghiệp cung cấp nền tảng dịch vụ số xuyên biên giới. Yêu cầu các nhà mạng trong nước nâng cao trách nhiệm chính trị trong việc xử lý thông tin xấu độc; tập trung nguồn lực xây dựng, phát triển và khai thác mạng xã hội trong nước đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dùng, tiến tới cạnh tranh với mạng xã hội nước ngoài.

Ba là, tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các văn bản chỉ đạo của trung ương và những định hướng chỉ đạo trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Tập trung chỉ đạo các đơn vị chức năng theo dõi, nắm chắc tình hình trên không gian mạng, triển khai thực hiện công tác đấu tranh, ngăn chặn, xử lý, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị sử dụng không gian mạng tán phát thông tin xấu

độc, chống Đảng, Nhà nước, công kích, hạ thấp uy tín các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, kích động biểu tình, gây rối an ninh trật tự. Chỉ đạo các đơn vị chức năng giám sát, thu thập, phân tích, đánh giá dữ liệu thông tin trên báo chí điện tử, trang thông tin điện tử, mạng xã hội nhằm phát hiện sớm xu hướng tán phát thông tin, quan điểm sai trái, thù địch; kịp thời đề xuất biện pháp đấu tranh, ngăn chặn, xử lý; tập trung nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp kỹ thuật mới về công nghệ thông tin, truyền thông, trí tuệ nhân tạo để phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý, phối hợp giữa Ban Chỉ đạo 35 các cấp trong tổ chức đấu tranh, ngăn chặn, xử lý thông tin chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ trên internet, mạng xã hội.

Bốn là, tiếp tục nghiên cứu, phổ biến, tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, nhất là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng đổi mới, thiết thực, hiệu quả, tập trung chỉ đạo sử dụng ứng dụng phương tiện truyền thông, internet, mạng xã hội để đăng tải, lan tỏa thông tin khẳng định tính đúng đắn, kế thừa, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực

tiền quá trình xây dựng, phát triển, hội nhập quốc tế và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đây mạnh công tác nghiên cứu, làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn, hoàn thiện hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; hệ thống hóa, phổ biến những thành tựu lý luận của Đảng trong gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước; phổ biến những vấn đề lý luận được bổ sung, phát triển trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế; những vấn đề lý luận mới mang tính định hướng lớn trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng. Nghiên cứu, nhận diện những âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động, chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận để phổ biến trong cán bộ, đảng viên, tuyên truyền sâu rộng trong Nhân dân, nhất là giới trẻ; góp phần tạo sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội.

Năm là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan thông tấn, báo chí trong thực hiện nhiệm vụ đấu tranh, phản bác thông tin xấu độc; coi trọng xây dựng chiến lược, kế hoạch tuyên truyền thông tin tích cực, xác

định rõ trọng tâm, trọng điểm trong từng giai đoạn, kết hợp chặt chẽ và đồng bộ các loại hình báo chí truyền thông, đẩy mạnh lan tỏa thông tin tích cực trên không gian mạng. Tiếp tục nâng cao chất lượng nội dung các chương trình, thời lượng, chuyên trang, chuyên mục, tuyển tin bài, phóng sự giới thiệu về thành tựu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế trong gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới; những định hướng lớn, đột phá, nổi bật trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng; gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt; cập nhật thông tin, phản ánh kịp thời về các bước tiến quan trọng, đổi mới hiệu quả trong hoạt động của hệ thống chính trị; định hướng thông tin kịp thời về các sự kiện chính trị, vụ việc phức tạp, nhạy cảm được dư luận quan tâm; đấu tranh phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, tạo thành dòng thông tin tích cực, hấp dẫn, thu hút, dẫn dắt cộng đồng xã hội.

Sáu là, các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc trung ương chỉ đạo các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị tích cực tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên,

đoàn viên, hội viên, học sinh, sinh viên về truyền thống văn hóa, thành quả cách mạng của Đảng, dân tộc, nhất là thành tựu gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước; những định hướng lớn, đột phá trong xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng; kịp thời định hướng thông tin liên quan đến các sự kiện chính trị, vụ việc phức tạp, nhạy cảm, tạo sức đề kháng cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân trước thông tin xấu độc; tuyên truyền, động viên trí thức, văn nghệ sĩ, nhà báo, phóng viên, nhất là giới trẻ tích cực tham gia đăng tải, chia sẻ, lan tỏa thông tin tích cực về hình ảnh tiêu biểu của quê hương, đất nước, văn hóa, truyền thống cách mạng của dân tộc, gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt, đồng thời đấu tranh phản bác thông tin, quan điểm sai trái, thù địch trên internet, mạng xã hội.

Bây là, tăng cường xây dựng lực lượng theo hướng chuyên sâu và rộng

khắp trong các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị, với lực lượng nòng cốt, chuyên sâu là tuyên giáo, công an, quân đội, thông tin và truyền thông, có chuyên môn, nghiệp vụ tinh thông, chuyên nghiệp, thích ứng nhanh, kịp thời trong xử lý các tình huống phát sinh; phân công rõ nhiệm vụ cho từng lực lượng; thiết lập cơ chế thống nhất trong phối hợp, tổ chức lực lượng đấu tranh, ngăn chặn, xử lý thông tin xấu độc kịp thời, hiệu quả; chú trọng tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các lực lượng của Ban Chỉ đạo 35 các cấp để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, ngăn chặn, xử lý thông tin xấu độc trên internet, mạng xã hội. Quan tâm đầu tư phương tiện kỹ thuật, xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống phần mềm, công cụ cảnh báo giúp công tác quản lý báo chí, truyền thông được thống nhất, đồng bộ từ trung ương đến địa phương. Bảo đảm sự đồng bộ giữa các yếu tố thiết bị, kỹ thuật, công nghệ và đội ngũ cán bộ làm công tác này ■

(1) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.183.

VAI TRÒ CỦA TRUYỀN THÔNG XÃ HỘI TRONG QUẢNG BÁ SẢN PHẨM VĂN HÓA VIỆT NAM

★ PGS, TS NGUYỄN THỊ TRƯỜNG GIANG

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay, truyền thông xã hội ngày càng khẳng định vị trí là một công cụ hữu hiệu, có sức mạnh lan tỏa mạnh mẽ và nhanh chóng trong quảng bá các sản phẩm văn hóa. Việt Nam, với nền văn hóa giàu bản sắc, đa dạng và phong phú, cần tận dụng tối đa ưu thế của truyền thông xã hội để quảng bá rộng rãi và hiệu quả các giá trị văn hóa truyền thống cũng như đương đại ra quốc tế, qua đó góp phần nâng cao uy tín và vị thế quốc gia trên trường quốc tế¹.

1. Truyền thông xã hội - Kênh quảng bá hiệu quả cho sản phẩm văn hóa Việt Nam

Một là, khả năng tiếp cận rộng rãi và nhanh chóng của truyền thông xã

hội trong quảng bá sản phẩm văn hóa Việt Nam.

Truyền thông xã hội là một nền tảng đặc biệt hiệu quả trong việc tiếp cận và quảng bá các sản phẩm văn hóa nhờ ưu thế vượt trội về số lượng người dùng và khả năng chia sẻ thông tin tức thì. Báo cáo Digital 2025 của DataReportal cho biết, đầu năm 2025, Việt Nam có khoảng 76,2 triệu người sử dụng mạng xã hội, chiếm 75,2% dân số quốc gia, tạo ra môi trường lý tưởng để lan tỏa nhanh chóng và rộng rãi thông tin về các sản phẩm văn hóa.

Các nền tảng xã hội như Facebook, YouTube, TikTok và Instagram không chỉ có khả năng tiếp cận công chúng trong nước mà còn vượt biên giới quốc gia, giúp văn hóa Việt Nam dễ

dàng được nhận diện và phổ biến toàn cầu. Theo thống kê năm 2023, các chiến dịch quảng bá du lịch Việt Nam trên TikTok đã tiếp cận hơn 200 triệu lượt xem quốc tế, góp phần đáng kể vào việc tăng lượng khách quốc tế đến Việt Nam trong giai đoạn hậu đại dịch COVID-19². Một ví dụ tiêu biểu khác là MV “Bắc Blink” của Hòa Minzy, chỉ sau 28 ngày phát hành vào đầu tháng 3/2025 đã đạt 100 triệu lượt xem trên YouTube, đồng nghĩa với trung bình là hơn 3,5 triệu lượt xem mỗi ngày, một con số rất ấn tượng, kèm theo đó là hơn 1,5 triệu likes và gần 115 nghìn bình luận. Không chỉ “khuấy đảo” các bảng xếp hạng âm nhạc trong nước và thu hút công chúng trong nước, MV “Bắc Blink” còn ghi dấu ấn mạnh mẽ trên thị trường quốc tế khi lọt vào top tại các quốc gia như Australia, Singapore và Hàn Quốc. Sản phẩm này từng đứng đầu hai hạng mục quan trọng của YouTube toàn cầu trong tuần từ ngày 28/2 đến 6/3 là “MV ra mắt ấn

tượng nhất” và “Ca khúc ra mắt ấn tượng nhất”.

Hai là, khả năng tương tác và gắn kết cộng đồng trong quảng bá sản phẩm văn hóa Việt Nam qua truyền thông xã hội.

Trong kỷ nguyên số, truyền thông xã hội không chỉ là kênh truyền tải thông tin một chiều mà còn trở thành không gian tương tác đa chiều giữa cá nhân, tổ chức và cộng đồng. Tính chất mở, linh hoạt và tương tác thời gian thực đã biến truyền thông xã hội thành công cụ quan trọng giúp các sản phẩm văn hóa Việt Nam xây dựng cộng đồng người quan tâm, gắn bó và chủ động lan tỏa giá trị văn hóa.

Khả năng tương tác đặc trưng này cho phép công chúng không chỉ tiêu thụ mà còn tham gia đồng sáng tạo nội dung. Họ có thể chia sẻ, bình luận, gán thẻ bạn bè, tạo các bản sao chế (remix), sản xuất video phản hồi (reaction), v.v. Các nền tảng mạng xã hội đặc biệt khuyến khích xu hướng này, nhờ đó

Truyền thông xã hội là một nền tảng đặc biệt hiệu quả trong việc tiếp cận và quảng bá các sản phẩm văn hóa nhờ ưu thế vượt trội về số lượng người dùng và khả năng chia sẻ thông tin tức thì.

tạo ra hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ cho các sản phẩm văn hóa.

Một ví dụ điển hình là chiến dịch quảng bá áo dài Việt Nam “Áo dài - Di sản văn hóa Việt Nam” của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2024, thu hút hơn 3 triệu lượt tương tác trên Facebook và TikTok chỉ sau hai tuần phát động, với hàng ngàn video người dùng mặc áo dài ở các địa danh nổi tiếng được chia sẻ rộng rãi³. Tương tự, chiến dịch quảng bá phim điện ảnh “Mai” của đạo diễn Trần Thành năm 2024 đạt hơn 200.000 lượt bình luận tích cực và hàng trăm clip sáng tạo lại các phân cảnh nổi bật trên TikTok chỉ sau một tuần công chiếu⁴.

Không chỉ các chiến dịch quy mô lớn, các cá nhân sáng tạo nội dung cũng góp phần không nhỏ. Các nhà sáng tạo nội dung như "Khoai Lang Thang" hay blogger Nguyễn Hoàng Long của "Ăn Sập Sài Gòn" đã và đang tạo dựng cộng đồng hàng triệu người theo dõi thông qua việc quảng bá ẩm thực, phong tục và đời sống văn hóa địa phương. Theo thống kê từ nền tảng YouTube năm 2024, các video thuộc chủ đề văn hóa - du lịch chiếm

gần 17% tổng lượt xem tại Việt Nam, trong đó nhóm video có yếu tố tương tác (reaction, bình luận, thử thách) chiếm gần 40% trong số đó⁵.

Tính gắn kết cộng đồng trên mạng xã hội còn thể hiện qua việc công chúng tham gia bảo vệ, phản biện và định hướng giá trị văn hóa. Điển hình là trong năm 2023, vụ việc một nhãn hàng sử dụng hình ảnh trang phục dân tộc thiếu chính xác đã gặp phải phản ứng mạnh mẽ từ cộng đồng mạng với hơn 50.000 lượt bình luận yêu cầu điều chỉnh, buộc thương hiệu này phải xin lỗi và sửa đổi chiến dịch truyền thông.

Có thể thấy, khả năng tương tác và gắn kết cộng đồng trên truyền thông xã hội đã giúp gia tăng sức sống, khả năng lan tỏa cũng như tính bền vững của các sản phẩm văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa. Việc xây dựng các chiến lược truyền thông tương tác, hướng tới cộng đồng không chỉ là xu hướng, mà là yếu tố cốt lõi để đảm bảo hiệu quả quảng bá văn hóa bền vững.

Ba là, đa dạng hoá phương thức và nội dung quảng bá sản phẩm văn hoá Việt Nam qua truyền thông xã hội.

Truyền thông xã hội không chỉ là công cụ truyền tải thông tin mà còn là môi trường sáng tạo nội dung đa chiều, nơi mà các hình thức thể hiện văn hóa không ngừng đổi mới để phù hợp với thị hiếu và hành vi truyền thông của công chúng hiện đại. Tính linh hoạt trong định dạng và nội dung là một trong những ưu thế giúp truyền thông xã hội trở thành kênh quảng bá hiệu quả và bền vững cho các sản phẩm văn hóa Việt Nam.

Các hình thức quảng bá đa dạng trên truyền thông xã hội bao gồm: video ngắn (TikTok, Reels), livestream (Facebook Live, YouTube Live), ảnh nghệ thuật (Instagram), podcast (Spotify, Apple Podcasts), bài viết blog hoặc status kể chuyện (storytelling)... Mỗi hình thức đều hướng đến những nhóm đối tượng khác nhau và tận dụng tối đa trải nghiệm người dùng để gia tăng tính hấp dẫn và khả năng lan tỏa.

Ví dụ, trong năm 2024, chiến dịch quảng bá du lịch Huế đã sử dụng kết hợp video ngắn trên TikTok, cùng các buổi livestream trải nghiệm thực tế do các blogger du lịch nổi tiếng thực hiện, thu hút hơn 1,2 triệu lượt xem trực

tiếp⁶. Chương trình “Việt Nam trong tim tôi” do Đài Truyền hình Việt Nam (VTV) kết hợp với các nhà sáng tạo nội dung độc lập sản xuất podcast văn hóa phát hành trên Spotify và YouTube từ cuối năm 2023 đã tiếp cận hơn 3 triệu lượt nghe, đặc biệt hiệu quả với nhóm khán giả trẻ từ 18-35 tuổi đang sinh sống ở nước ngoài⁷.

Đáng chú ý, định dạng video ngắn đang trở thành xu hướng chủ đạo trong việc quảng bá văn hóa đại chúng, đặc biệt là âm nhạc, thời trang, lễ hội truyền thống. Theo báo cáo của TikTok Việt Nam năm 2024, hơn 70% người dùng Việt Nam từ 16-35 tuổi cho biết họ khám phá thông tin văn hóa, du lịch, ẩm thực chủ yếu qua video ngắn trên nền tảng này⁸. Điều này buộc các cơ quan truyền thông, doanh nghiệp và nghệ sĩ phải đổi mới liên tục cả về nội dung lẫn hình thức trình bày nếu muốn duy trì sức hút.

Mặt khác, sự đa dạng hóa còn thể hiện trong việc kết hợp giữa yếu tố truyền thống và hiện đại. Nhiều sản phẩm âm nhạc, điện ảnh hay thời trang hiện nay khai thác yếu tố dân tộc (như nhạc cụ dân gian, hoa văn thổ cẩm, truyện dân gian) trong một

hình thức trình bày trẻ trung, hiện đại. MV "See Tình" của Hoàng Thùy Linh là một ví dụ tiêu biểu, khi kết hợp yếu tố dân ca Nam Bộ trong phần phối khí hiện đại, vũ đạo bắt mắt và hình ảnh rực rỡ, giúp ca khúc này tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh trên YouTube và TikTok với hơn 100 triệu lượt xem tính đến cuối năm 2024⁹.

Sự tham gia tích cực của truyền thông xã hội trong quảng bá văn hóa đã mang lại những kết quả bước đầu đáng ghi nhận. Các sản phẩm văn hóa Việt Nam ngày càng được công chúng trong và ngoài nước biết đến rộng rãi hơn nhờ hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ trên các nền tảng mạng xã hội. Năm

2024, các chiến dịch quảng bá văn hóa và du lịch Việt Nam trên TikTok và YouTube đã đạt tổng cộng hơn 450 triệu lượt xem, tăng 34% so với năm 2023¹⁰. Các chiến dịch nổi bật như "Sắc màu Tây Bắc", "Tôi yêu Việt Nam", hay "Lễ hội pháo hoa quốc tế

Đà Nẵng 2024" đều ghi nhận hàng chục triệu lượt tương tác, chia sẻ, góp phần định vị hình ảnh Việt Nam như một điểm đến văn hóa độc đáo và hấp dẫn. Trong lĩnh vực âm nhạc, nhiều sản phẩm kết hợp yếu tố truyền thống với hiện đại được lan tỏa mạnh mẽ, không chỉ thu hút người

Sự tham gia tích cực của truyền thông xã hội trong quảng bá văn hóa đã mang lại những kết quả bước đầu đáng ghi nhận. Các sản phẩm văn hóa Việt Nam ngày càng được công chúng trong và ngoài nước biết đến rộng rãi hơn nhờ hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ trên các nền tảng mạng xã hội.

Việt mà còn gây tiếng vang trong cộng đồng quốc tế. MV "Gieo Quẻ" của Hoàng Thùy Linh lọt top trending YouTube tại nhiều quốc gia châu Á trong năm 2024.

Một điểm sáng khác là sự xuất hiện ngày càng nhiều của các sáng tạo nội dung cá nhân khai thác yếu tố văn hóa Việt, từ ẩm thực, phong tục, trò chơi dân gian cho đến kiến trúc truyền thống.

Nhiều video ngắn từ nhiều kênh liên tục đạt hàng triệu lượt xem, trở thành nguồn cảm hứng cho cộng đồng người trẻ tìm hiểu và lan tỏa giá trị văn hóa dân tộc. Từ đó có thể khẳng định rằng, việc tận dụng tốt truyền thông xã hội không chỉ giúp sản phẩm

văn hóa Việt Nam đến gần hơn với công chúng, mà còn tạo ra nền tảng bền vững để phát triển ngành công nghiệp văn hóa trong bối cảnh chuyển đổi số.

2. Thách thức và giải pháp trong quảng bá sản phẩm văn hóa Việt Nam qua truyền thông xã hội

Mặc dù truyền thông xã hội đã trở thành một kênh quan trọng trong quảng bá sản phẩm văn hóa, quá trình này vẫn tồn tại nhiều thách thức và hạn chế đáng lưu tâm.

Thứ nhất, kiểm soát nội dung và đảm bảo tính xác thực: Truyền thông xã hội có tính chất mở, phi tập trung, nên việc kiểm duyệt nội dung là rất khó khăn. Nhiều video, bài viết quảng bá văn hóa được đăng tải nhưng không qua thẩm định, có thể đưa thông tin sai lệch, xuyên tạc hoặc giảm lược quá mức. Ví dụ, một số video giới thiệu lễ hội truyền thống hoặc món ăn đặc sản thường lược bỏ phần giải thích giá trị văn hóa – tâm linh, chỉ tập trung vào yếu tố giải trí, dễ gây hiểu nhầm về bản chất của sản phẩm văn hóa.

Thứ hai, vi phạm bản quyền và sở hữu trí tuệ: Tình trạng sử dụng trái

phép âm nhạc dân gian, họa tiết truyền thống, phim tài liệu, hình ảnh di sản vẫn diễn ra phổ biến. Việc cắt ghép, chỉnh sửa và tái phân phối không xin phép trên các nền tảng như TikTok, Facebook, YouTube đã xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, làm tổn hại đến quyền lợi của tác giả cũng như giá trị nguyên bản của sản phẩm văn hóa. Theo Thanh tra Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, đầu năm 2023, đã tiến hành 534 cuộc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan; xử phạt vi phạm hành chính 447 tổ chức, 3 cá nhân, kiến nghị thu hồi 56 giấy phép phổ biến phim để điều chỉnh chủ sở hữu bản quyền. Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định số 131/2013/NĐ-CP là 12,8 tỷ đồng¹¹.

Thứ ba, thương mại hóa và nguy cơ làm nhạt bản sắc: Do chạy theo lượt tương tác, nhiều nội dung quảng bá văn hóa có xu hướng đánh đổi chiều sâu văn hóa để lấy yếu tố gây sốc, dễ viral. Hệ quả là văn hóa bị tiêu dùng như một sản phẩm giải trí đơn thuần, trong khi bản sắc, ý nghĩa và chiều sâu văn hóa bị làm mờ nhạt

hoặc lược bỏ. Điển hình là việc một số nghệ sĩ, nhà sáng tạo nội dung sử dụng phục trang dân tộc trong các bối cảnh phi văn hóa hoặc không phù hợp, gây phản cảm và bị cộng đồng mạng phản ứng.

Thứ tư, khoảng cách số và bất bình đẳng trong tiếp cận: Mặc dù tỷ lệ sử dụng Internet và mạng xã hội tại Việt Nam đang tăng mạnh, nhưng sự chênh lệch giữa các vùng miền vẫn rất rõ nét. Người dân ở vùng sâu, vùng xa hoặc dân tộc thiểu số ít có điều kiện tiếp cận công nghệ, nên không thể chủ động sáng tạo và lan tỏa giá trị văn hóa của cộng đồng mình. Điều này tạo ra khoảng trống trong hệ sinh thái truyền thông văn hóa số và làm mất đi nhiều cơ hội gìn giữ, phổ biến di sản địa phương.

Trước những cơ hội và thách thức đặt ra trong việc sử dụng truyền thông xã hội để quảng bá sản phẩm văn hóa, việc xây dựng các giải pháp đồng bộ, bài bản và mang tính chiến lược là điều kiện tiên quyết nhằm nâng cao hiệu quả, bền vững và bảo vệ giá trị văn hóa Việt Nam trên không gian số.

Một là, xây dựng chiến lược truyền thông văn hóa quốc gia trên nền tảng

số: Cần một chiến lược tổng thể từ cấp Nhà nước nhằm định hướng nội dung, chuẩn hóa thông điệp và lựa chọn ưu tiên về chủ đề, hình thức thể hiện văn hóa phù hợp với từng nhóm đối tượng trên các nền tảng số. Việc quy hoạch các chiến dịch quảng bá gắn với sự kiện văn hóa lớn, kết hợp yếu tố truyền thống và sáng tạo, sẽ giúp tạo ra dấu ấn đồng bộ và nhận diện rõ ràng về thương hiệu văn hóa Việt Nam.

Hai là, tăng cường phối hợp liên ngành và hợp tác công - tư: Việc quảng bá văn hóa không chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước mà cần có sự tham gia tích cực của doanh nghiệp, nghệ sĩ, nhà sáng tạo nội dung và cộng đồng. Cần thiết lập các cơ chế hợp tác giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với các nền tảng công nghệ (TikTok, Meta, Google...), các trường đại học, viện nghiên cứu và các đối tác quốc tế để chia sẻ dữ liệu, hỗ trợ đào tạo và lan tỏa giá trị văn hóa trên quy mô rộng.

Ba là, phát triển đội ngũ sáng tạo nội dung văn hóa chuyên nghiệp: Cần có chính sách khuyến khích và hỗ trợ cộng đồng sáng tạo nội dung văn hóa,

đặc biệt là giới trẻ, người dân tộc thiểu số, nghệ nhân truyền thống. Các chương trình tập huấn về kỹ năng truyền thông số, kể chuyện kỹ thuật số, bản quyền, và đạo đức truyền thông cần được tổ chức thường xuyên nhằm chuyên nghiệp hóa lực lượng lan tỏa văn hóa trên mạng xã hội.

Bốn là, đầu tư cho hạ tầng số và nâng cao năng lực tiếp cận: Cần đẩy mạnh đầu tư hạ tầng kỹ thuật số cho các vùng nông thôn, miền núi, biên giới, nơi chứa đựng nhiều di sản văn hóa đặc sắc nhưng lại gặp khó khăn trong việc tiếp cận công nghệ. Đồng thời, cần có chương trình số hóa di sản văn hóa, xây dựng kho dữ liệu mở, thư viện nội dung văn hóa có thể dễ dàng sử dụng cho mục đích truyền thông.

Năm là, hoàn thiện hành lang pháp lý và nâng cao nhận thức về bản quyền: Cần sớm hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến bảo vệ bản quyền trên không gian mạng. Đồng thời, tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức về tôn trọng bản quyền trong cộng đồng sáng tạo và người dùng. Các nền tảng xã hội cũng cần có cơ chế cảnh báo và xử lý hiệu quả hơn các hành vi vi phạm.

3. Kết luận

Truyền thông xã hội, với khả năng lan tỏa nhanh chóng, tương tác đa chiều và tính sáng tạo không giới hạn, đang từng bước trở thành lực lượng chủ đạo trong việc quảng bá sản phẩm văn hóa Việt Nam trong kỷ nguyên số. Những kết quả bước đầu đã minh chứng rõ ràng cho tiềm năng to lớn của công cụ này trong việc làm mới, phổ biến và toàn cầu hóa các giá trị văn hóa truyền thống và hiện đại của dân tộc. Phát triển công nghiệp văn hóa gắn với truyền thông xã hội đòi hỏi không chỉ sự năng động, sáng tạo mà còn cần những nền tảng vững chắc về thể chế, công nghệ và con người. Khi những giải pháp trên được triển khai đồng bộ và hiệu quả, truyền thông xã hội sẽ thực sự trở thành lực đẩy quan trọng cho việc định vị văn hóa Việt Nam trên bản đồ thế giới số.

Tuy nhiên, để truyền thông xã hội thực sự phát huy hiệu quả và phát triển bền vững, cần có một chiến lược tổng thể, đồng bộ và dài hạn. Trong đó, vai trò của Nhà nước là kiến tạo chính sách, hạ tầng và môi trường pháp lý thuận lợi; vai trò của doanh nghiệp, nghệ sĩ, người làm sáng tạo là trung

tâm của quá trình đổi mới nội dung; còn cộng đồng giữ vai trò là lực lượng lan tỏa và phản biện xã hội.

Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa không thể thành công nếu thiếu sự phối hợp liên ngành, đầu tư đúng hướng và đặt yếu tố con người - đặc biệt là năng lực văn hóa và công nghệ - làm trọng tâm. Thúc đẩy truyền thông xã hội trở thành nền tảng chiến

lược trong phát triển công nghiệp văn hóa là bước đi tất yếu, góp phần đưa Việt Nam khẳng định bản sắc, vị thế và sức hấp dẫn văn hóa trên trường quốc tế. Với tầm nhìn này, truyền thông xã hội không chỉ là công cụ, mà là một không gian văn hóa mới, nơi Việt Nam có thể giới thiệu, đối thoại và lan tỏa những giá trị tốt đẹp nhất của mình tới bạn bè năm châu ■

¹ DataReportal, *Báo cáo “Digital 2025: Vietnam”*, tháng 2 năm 2025.

² Bộ Thông tin và Truyền thông Việt Nam: *Báo cáo hoạt động truyền thông năm 2023*.

³ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2024): *Báo cáo tổng kết chiến dịch “Áo dài - Di sản văn hóa Việt Nam”*.

⁴ Báo cáo của Tiktok về xu hướng nội dung phim và giải trí quý I/2024.

⁵ YouTube Việt Nam (2024): *Thống kê chủ đề nổi bật năm 2024*.

⁶ Trung tâm Thông tin Du lịch - Tổng cục Du lịch Việt Nam (2024): *Báo cáo truyền thông chiến dịch “Huế - Tĩnh lặng và Sâu sắc”*.

⁷ VTV Digital (2024): *Thống kê lượt tiếp cận chương trình “Việt Nam trong tim tôi” trên nền tảng số*.

⁸ TikTok Việt Nam (2024): *Báo cáo người dùng quý I/2024*.

⁹ YouTube Analytics Việt Nam (2024): *Dữ liệu tương tác MV “See Tình” của Hoàng Thùy Linh*.

¹⁰ Bộ Thông tin và Truyền thông (2024): *Báo cáo hoạt động truyền thông văn hóa trên nền tảng số*.

¹¹ <https://bvhttdl.gov.vn>.

CHIẾN LƯỢC HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA SINGAPORE VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

★ PGS, TS PHẠM THỊ THANH BÌNH

Khoa Kinh tế, Đại học Mở Hà Nội

1. Chiến lược hội nhập kinh tế khu vực của Singapore

Là nền kinh tế nhỏ và mở, Singapore tham gia hội nhập vào thị trường thế giới không phải là một lựa chọn mà là một mệnh lệnh kinh tế. Với nguồn tài nguyên khan hiếm, Singapore phải phụ thuộc vào thị trường toàn cầu, thương mại tự do và dòng vốn không bị hạn chế để duy trì sinh kế. Việc sẵn sàng đón nhận và áp dụng các công nghệ mới là chìa khóa giúp Singapore nắm bắt cơ hội.

Trong suốt lịch sử phát triển của mình, Singapore luôn hội nhập chặt chẽ với các hệ thống thương mại thế giới. Chiến lược kinh tế của Singapore gắn liền với hội nhập kinh tế toàn cầu. Singapore đã ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) và tích cực

tham gia vào các tổ chức kinh tế quốc tế. Tham gia sâu rộng vào kinh tế toàn cầu giúp Singapore tăng cường khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường xuất khẩu.

Độ mở thương mại¹ của Singapore luôn ở mức cao, trên 200% GDP và đạt đỉnh 440% trước Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu (GFC - Global Financial Crisis) năm 2008. Độ mở tài chính của Singapore² đã tăng nhanh chóng từ mức trung bình 560% những năm 1990 lên 1.600% những năm 2000 khi Singapore phát triển thành trung tâm tài chính quốc tế trong bối cảnh hội nhập tài chính toàn cầu ngày càng tăng. Định hướng hướng ngoại mạnh mẽ của Singapore đóng vai trò quan trọng trong nâng cao thu nhập bình quân đầu người thực tế từ 3.905 USD

năm 1965 lên 52.600 USD năm 2016 và 81.000 USD năm 2024³.

Định hướng chiến lược của Singapore bao gồm việc tăng cường hội nhập khu vực, đặc biệt là trong khuôn khổ ASEAN. Singapore coi hội nhập kinh tế khu vực không chỉ là cơ hội kinh tế mà còn là nhu cầu chiến lược để củng cố khả năng phục hồi chung của khu vực trước những cú sốc bên ngoài. Yếu tố then chốt trong hội nhập được Thủ tướng Singapore nhấn mạnh là xóa bỏ thuế quan trong ASEAN, thúc đẩy thương mại nội khối liền mạch, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực trên trường quốc tế.

Singapore cũng là quốc gia dẫn đầu khu vực trong cách tiếp cận các lĩnh vực mới nổi như kinh tế số và năng lượng tái tạo. Áp dụng công nghệ càng trở nên cấp bách hơn trong bối cảnh dân số già hóa và sự thay đổi cơ cấu lực lượng lao động trong thập kỷ tới. Tốc độ tăng trưởng lực lượng lao động sẽ chậm lại còn 0,7% mỗi năm trong thập kỷ tới (2020-2030), từ mức trung bình 1,6% mỗi năm trong giai đoạn 2011-2016. Để duy trì tăng trưởng lành mạnh và mức sống tiếp

tục tăng, Singapore phải tiếp tục tận dụng công nghệ để thúc đẩy tăng trưởng năng suất.

Singapore tăng cường hội nhập kinh tế với các nước láng giềng ASEAN thông qua các sáng kiến như thỏa thuận về Khu kinh tế đặc biệt Johor-Singapore (JS-SEZ: Johor Singapore Special Economic Zone) với Malaysia, được ký kết vào đầu năm 2025. Mở rộng sáng kiến thỏa thuận sẽ mang lại lợi ích cho các công ty của Singapore bằng cách cho phép Singapore khai thác các nguồn lực sẵn có tại Johor để mở rộng và phát triển. Đặc khu Kinh tế (JS-SEZ) cũng sẽ cho phép Singapore và Malaysia thu hút các khoản đầu tư mới, thông qua cung cấp những đề xuất giá trị hấp dẫn hơn dựa trên các thế mạnh bổ sung của Singapore và Malaysia được kết hợp lại.

Singapore tiếp tục phát huy hợp tác với Indonesia, đặc biệt là tại Batam, Bintan và Karimun, cũng như khám phá các lĩnh vực hợp tác mới. Tăng cường thương mại số và cải thiện khả năng tiếp cận thị trường cho các công ty hoạt động tại ASEAN. Kinh tế số trên toàn khu vực ASEAN sẽ tăng tốc khi các cuộc đàm phán về Thỏa thuận

Khung Kinh tế Số ASEAN được hoàn tất cơ bản vào năm 2025. Singapore có kế hoạch hoàn tất và ký kết bản nâng cấp Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN năm 2025 nhằm thúc đẩy dòng chảy thương mại nội khối ASEAN và tăng cường kết nối chuỗi cung ứng.

Bên cạnh chiến lược khu vực, Singapore tham gia vào các cấu trúc rộng hơn như Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á (EAS) và hợp tác song phương với các nước láng giềng như Malaysia thể hiện rõ quyết tâm củng cố các khuôn khổ khu vực. Những nỗ lực của Singapore nhằm đảm bảo sự ổn định và thịnh vượng trên khắp châu Á. Với việc chuẩn bị làm chủ tịch ASEAN năm 2027, Singapore sẵn sàng thúc đẩy hội nhập sâu rộng hơn trong khối, qua đó tái khẳng định vai trò lãnh đạo của Singapore trong việc xây dựng một cộng đồng khu vực gắn kết và năng động.

Trên phạm vi toàn cầu, Singapore chuyển dịch sang đa cực và đa dạng hóa quan hệ ngoại giao. Bằng cách tham gia các hiệp định thương mại lớn như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương

CPTPP và Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) nhằm đảm bảo dòng chảy thương mại và đầu tư mở, một động thái quan trọng cho nền kinh tế toàn cầu hóa của Singapore. Tăng cường mở rộng hợp tác với các đối tác toàn cầu là minh chứng cho sự hiểu biết chung về tầm quan trọng của việc duy trì hệ thống quốc tế cởi mở, dựa trên luật lệ, đặc biệt là trong bối cảnh các chính sách bảo hộ đang gia tăng.

Singapore mở rộng hội nhập bằng cách thiết lập quan hệ với Châu Phi và Mỹ Latinh, đánh dấu bước đi đầy tham vọng nhằm mở rộng mạng lưới toàn cầu. Việc hợp tác với các khu vực Châu Phi và Mỹ Latinh không chỉ mở ra những cơ hội kinh tế mới mà còn mở rộng tầm ảnh hưởng ngoại giao của Singapore. Việc tăng cường hợp tác với các nước vùng Vịnh và các đối tác Trung Đông khác giúp Singapore có vị thế thuận lợi để phát huy vai trò trung gian và đổi mới toàn cầu.

2. Hội nhập vào các hiệp định thương mại tự do và các tổ chức kinh tế

Singapore ủng hộ mạnh mẽ tự do hóa và thiên về đàm phán song phương hiệp định thương mại tự do và các hiệp

định kinh tế khác. Với mô hình chính sách tự do hóa thương mại và thúc đẩy xuất khẩu, mặc dù chỉ là một quốc đảo nhỏ với nguồn tài nguyên thiên nhiên không đáng kể, Singapore đã xây dựng được một nền kinh tế phát triển năng động và bền vững. Singapore đứng trong top 10 nước có GDP bình quân đầu người cao nhất thế giới. Năm 2015, với tổng GDP 339 tỷ USD giúp Singapore vững vàng ở vị trí thứ 3 thế giới, với mức thu nhập bình quân đứng thứ 7 thế giới (62.400 USD/người). Chính sách hội nhập thương mại quốc tế của Singapore tập trung vào:

Thứ nhất, Singapore tạo ra một thị trường hoàn toàn tự do với rất nhiều ưu đãi dành cho các công ty nước ngoài đang hoạt động tại Singapore. Singapore không sử dụng hàng rào phi thuế quan cũng như không trợ giá xuất nhập khẩu. Thủ tục xuất nhập khẩu tại Singapore rất đơn giản và nhanh chóng nhờ vào những tiến bộ của công nghệ thông tin, đặc biệt khi Singapore tham gia ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương với các quốc gia khác thuộc nhiều tổ chức trên thế giới như WTO, ASEAN, APEC... nhằm tăng cường năng lực

cạnh tranh cho các sản phẩm, dịch vụ. Các chính sách thương mại của Singapore rất phù hợp và mang lại nhiều điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế quốc gia cũng như cơ hội bình đẳng cho các công ty trong và ngoài nước. Nhờ thế, Singapore đã thu hút được nguồn vốn FDI rất lớn, nhất là từ Mỹ khiến nền kinh tế không ngừng phát triển nhanh.

Thứ hai, Singapore không ngừng nghiên cứu và cải cách các chính sách thương mại quốc tế qua từng thời kỳ, đặc biệt là các chính sách về xuất nhập khẩu. Singapore luôn tiên phong trong việc áp dụng những tiến bộ mới trong khoa học kỹ thuật vào lĩnh vực xuất nhập khẩu với chiến lược “thương mại không giấy tờ” nhằm đơn giản hóa các thủ tục xuất nhập khẩu, hệ thống cấp phép tự động cho phép các nhà xuất nhập khẩu có thể nhận được giấy phép trong vòng 3 phút.

Thứ ba, Singapore chủ trương áp dụng chính sách hỗ trợ tín dụng. Singapore hỗ trợ tín dụng nhằm tăng cường vốn cho các doanh nghiệp trong nước, đồng thời hỗ trợ bảo hiểm hàng hóa giúp nhà sản xuất yên tâm hơn về hàng hóa mình sản xuất ra để

tự tin mở rộng ra thị trường quốc tế. Cục Xúc tiến Thương mại Singapore chịu trách nhiệm tăng khả năng cạnh tranh các mặt hàng của Singapore trên thị trường quốc tế, bảo vệ quyền lợi kinh tế quốc gia và tìm kiếm thị trường tiềm năng cho các sản phẩm xuất khẩu. Hiện Cục Xúc tiến Thương mại Singapore đã có trên 30 văn phòng thương mại trên khắp thế giới nhằm hỗ trợ cho các công ty Singapore một cách hiệu quả nhất.

Thứ tư, Singapore tích cực thực hiện tự do hóa thương mại thông qua các hoạt động cắt giảm thuế quan. Singapore tham gia vào hoạt động của nhiều tổ chức thương mại đa phương trong khu vực và trên thế giới như WTO, APEC, ASEAN... và thực hiện các chính sách cắt giảm thuế theo đúng với quy định của từng tổ chức. Singapore là một trong những quốc gia tích cực nhất thế giới trong việc ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA). Singapore sẽ đảm nhiệm vai trò chủ tịch ASEAN năm 2027 - cũng là năm đánh dấu kỷ niệm 60 năm thành lập ASEAN. Singapore sẽ tận dụng cơ hội này để tăng cường hội nhập khu vực và đảm bảo ASEAN vẫn là điểm tựa

quan trọng và đáng tin cậy cho hòa bình và thịnh vượng châu Á.

Hợp tác kinh tế Singapore trong APEC (Asia-Pacific Economic Cooperation).

Năm 2009, Singapore chủ trì APEC với chủ đề “Duy trì tăng trưởng, kết nối khu vực”. Nhiệm vụ của Singapore là tập trung vào việc phục hồi sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu bằng cách hỗ trợ WTO, thúc đẩy hội nhập kinh tế khu vực và củng cố thể chế APEC.

Với nguồn tài nguyên thiên nhiên hạn chế, Singapore đã phát triển thành một thể lực toàn cầu có ảnh hưởng. Sự chuyển mình của Singapore không chỉ đơn thuần là thước đo tăng trưởng kinh tế mà quan trọng hơn là sự thay đổi về chất trong cách Singapore xác định vai trò của mình trong quản trị toàn cầu, chính sách hội nhập quốc tế của Singapore. Trọng tâm trong chiến lược của Singapore là sự tận tâm với cộng đồng toàn cầu, bao gồm việc giải quyết các thách thức như biến đổi khí hậu, an ninh toàn cầu và sức khỏe cộng đồng. Đòi hỏi nỗ lực hợp tác giữa các quốc gia. Singapore đã định vị mình không chỉ là một quốc gia đóng góp mà còn

là một quốc gia đi đầu trong việc thiết lập các quan hệ đối tác toàn cầu nhằm giải quyết những vấn đề đa diện này.

Hợp tác với Trung Quốc trong khối BRICS trở thành một lựa chọn ngày càng hấp dẫn của Singapore trong liên kết có chọn lọc khi thế giới đang chuyển dịch sang đa cực. Singapore cùng Trung Quốc đã ký 23 thỏa thuận hợp tác trị giá khoảng 240 triệu USD, bao gồm các lĩnh vực như vận tải và hậu cần, dịch vụ tài chính, thông tin và truyền thông, năng lượng xanh, công nghệ giáo dục và chăm sóc sức khỏe.

Trong thập kỷ qua (2015-2025), Singapore và Trung Quốc đã ký kết 323 thỏa thuận chính phủ và thương mại với tổng giá trị 25,75 tỷ USD. Thế mạnh của Trung Quốc trong sản xuất tiên tiến và đổi mới công nghệ tạo ra cơ hội tăng trưởng mới cho Singapore, trong khi vị thế là trung tâm tài chính toàn cầu của Singapore sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc đa dạng hóa thương mại và quốc tế hóa đồng nhân dân tệ của Trung Quốc.

Mở rộng quan hệ đối tác hợp tác với BRICS. Đối với Singapore, quan hệ đối tác với BRICS có thể là một cách chiến lược để đa dạng hóa các kết

nối kinh tế mà không cần phải thực hiện đầy đủ các cam kết của tư cách thành viên.

Cấu trúc hai tầng của BRICS bao gồm các thành viên chính thức và các quốc gia đối tác. Các thành viên chính thức (Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi) thúc đẩy định hướng chiến lược của tổ chức thông qua việc ra quyết định dựa trên sự đồng thuận. Trong khi đó, các quốc gia đối tác của BRICS tham gia một cách linh hoạt mà không có bất kỳ nghĩa vụ chính thức nào. Với tư cách thành viên yêu cầu phải đáp ứng các tiêu chí địa chính trị và kinh tế nghiêm ngặt, trong khi quan hệ đối tác tập trung vào sự hợp tác có chọn lọc, cho phép các quốc gia tham gia vào các lĩnh vực cụ thể, như thương mại, đầu tư hoặc đổi mới sáng tạo, mà không bị ràng buộc bởi cùng mức độ cam kết như các thành viên chính thức.

Cách tiếp cận trở thành quốc gia đối tác cho phép Singapore hưởng lợi từ các sáng kiến và chương trình của BRICS, như các hiệp định thương mại và cơ hội đầu tư, đồng thời mang lại sự linh hoạt và không có nghĩa vụ chính thức, khiến BRICS trở thành

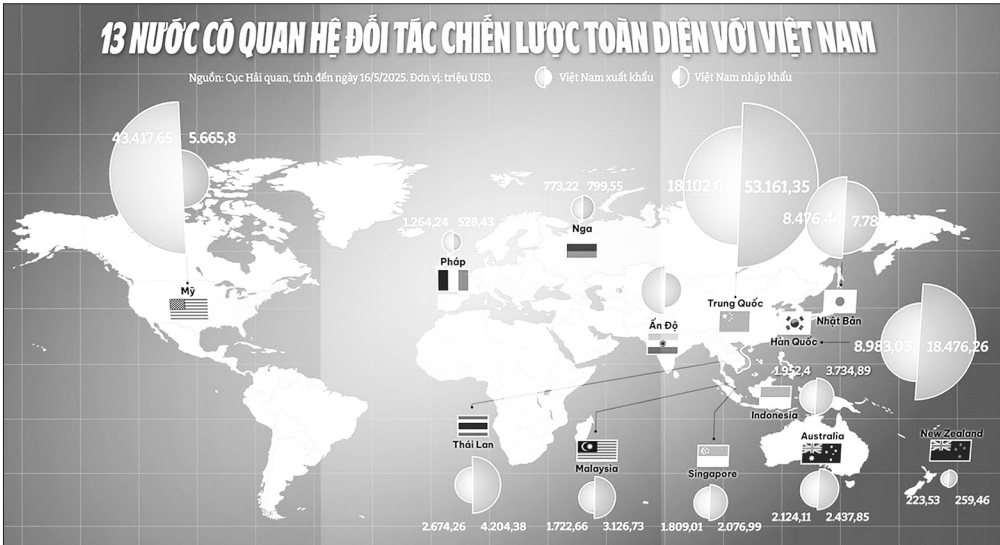
một lựa chọn hấp dẫn cho các quốc gia muốn hợp tác với BRICS theo cách phù hợp với lợi ích và nhu cầu của họ. Tư cách đối tác trong BRICS mang lại cho Singapore một con đường hợp tác ít rủi ro. Hơn nữa, vị thế đối tác của Singapore với BRICS sẽ bổ sung cho các khuôn khổ kinh tế hiện có của Singapore, chẳng hạn như ASEAN và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), giúp bổ sung phù hợp với thỏa thuận của các cường quốc tầm trung ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đang tìm cách phòng ngừa các mối đe dọa lai ghép thông qua chủ nghĩa đa phương nhỏ.

Hợp tác với BRICS giúp định hướng Phát triển Tài chính Toàn cầu cho Singapore. Với vị thế là một trung tâm tài chính xuyên biên giới hàng đầu, Singapore đòi hỏi phải có khả năng thích ứng cao để ứng phó với những diễn biến năng động của bối cảnh tài chính toàn cầu. Khi thế giới tài chính tiếp tục phát triển, Singapore phải thích ứng với sự phức tạp của một môi trường đang thay đổi nhanh chóng, đặc trưng bởi những căng thẳng và biến động địa chính trị. Là

một đối tác của BRICS, Singapore có thể khám phá các cơ chế tài chính sáng tạo, như đồng tiền kỹ thuật số, hệ thống thanh toán xuyên biên giới và các sáng kiến tài trợ khí hậu, mà không cần cam kết toàn bộ nguồn lực hoặc ảnh hưởng đến sự ổn định của quy định BRICS.

Hợp tác với BRICS phù hợp với xu hướng khu vực. Quan hệ đối tác tiềm năng của Singapore với BRICS cũng được thúc đẩy bởi các động lực khu vực. Trung Quốc hướng đến Đông Nam Á để đa dạng hóa kinh tế, trong khi các quốc gia như Indonesia, Malaysia và Thái Lan đang tham gia và quan tâm đến việc gia nhập nhóm. Các quốc gia đều mong muốn đa dạng hóa kinh tế, có tiếng nói mạnh mẽ hơn trong các vấn đề toàn cầu và tiếp cận nguồn tài chính phát triển.

Bằng cách hợp tác với BRICS, Singapore có thể duy trì ảnh hưởng của mình ở Đông Nam Á và vai trò lãnh đạo trong ngoại giao kinh tế khu vực. Khi các nước ASEAN tìm kiếm các mối quan hệ đối tác mới, việc Singapore tham gia với tư cách là đối tác BRICS có thể định vị Singapore là một nhà lãnh đạo tư tưởng và người



Tính đến ngày 16/5/2025, Việt Nam có quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện với 13 nước, gồm: Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Australia, Pháp, Malaysia, New Zealand, Indonesia, Singapore và Thái Lan _ Nguồn: Cục Hải quan

xây dựng cầu nối, thúc đẩy hợp tác và đối thoại. Bằng cách áp dụng phương pháp tiếp cận thận trọng, Singapore có thể tham gia một cách có chọn lọc vào các dự án phù hợp với lợi ích của mình, đồng thời tránh được những bất đồng ngoại giao không cần thiết hoặc những phức tạp kinh tế. Sự tham gia có chọn lọc của Singapore giúp duy trì niềm tin của nhà đầu tư, điều rất quan trọng đối với vai trò là một trung tâm tài chính toàn cầu của Singapore.

Singapore luôn ủng hộ một trật tự quốc tế dựa trên luật lệ và chủ nghĩa đa phương bao trùm, việc tham gia

vào các cấu trúc thay thế trên cơ sở sự cách đối tác giúp nâng cao tầm quan trọng chiến lược của Singapore. Singapore đảm bảo sự tham gia vào BRICS là bổ sung, chứ không phải thay thế các vai trò đa phương hiện có của Singapore trong các nền tảng như WTO, APEC và G20. Mục tiêu không phải là thay thế các liên minh truyền thống mà là mở rộng phạm vi toàn cầu thông qua chủ nghĩa đa nguyên thực dụng.

3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Trong bối cảnh xuất hiện xu hướng mới về hội nhập kinh tế quốc tế cùng

với những nhân tố mới biến động khó lường, từ chiến lược hội nhập kinh tế quốc tế của Singapore, có thể rút ra một số kinh nghiệm cho Việt Nam là:

Thứ nhất, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Việt Nam vẫn tiếp tục là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế; ủng hộ xu hướng toàn cầu hóa, đa phương hóa, tự do hóa thương mại; tăng cường phối hợp, hợp tác với các nền kinh tế để xử lý các vấn đề kinh tế toàn cầu thông qua các diễn đàn, cơ chế hợp tác đa phương. Thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế, chủ động tham gia xây dựng và thực thi các quy tắc, pháp luật quốc tế, xây dựng lòng tin và thể hiện là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, qua đó xây dựng vị thế của Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, hệ thống pháp luật theo hướng tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho đầu tư trong nước và nước ngoài. Đảm bảo cho nền kinh tế ít bị tổn thương trước các cú sốc của kinh tế - tài chính thế giới, có khả năng

ứng phó với những biến động quốc tế phức tạp, khó lường. Vận dụng đúng các quy luật khách quan của kinh tế thị trường; bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế thị trường; bảo đảm đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường; gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường.

Thứ ba, chủ động, tích cực, xử lý hài hòa những vấn đề vĩ mô mang tính chiến lược. Điều hành chính sách tài khóa tiếp tục thực hiện theo hướng chặt chẽ, tăng cường kỷ luật tài chính; đẩy mạnh thực hiện chủ trương cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững. Điều hành chính sách tiền tệ tiếp tục theo hướng thận trọng và linh hoạt, góp phần kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Tiếp tục điều hành tỷ giá linh hoạt, bám sát với diễn biến thị trường trong và ngoài nước.

Thứ tư, có cách tiếp cận mềm dẻo, linh hoạt với các đối tác trước nguy cơ chiến tranh thương mại. Tăng cường kiểm soát chất lượng, xuất xứ, chống

gian lận thương mại và có chế tài nghiêm khắc đối với các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu vi phạm để đảm bảo uy tín của Việt Nam trong quan hệ quốc tế. Tổ chức triển khai thực hiện các cam kết hội nhập quốc tế của Việt Nam nhằm bảo đảm cho quá trình hội nhập của Việt Nam hiệu quả và bền vững hơn.

Nghị quyết 59 của Bộ Chính trị đã nâng tầm hội nhập quốc tế với những quan điểm mang tính cách mạng, tính đột phá, tính dân tộc, tính khoa học, tính thời đại cao. Đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. Tinh thần trọng yếu thường xuyên trong hội nhập quốc tế là phải tranh thủ nguồn lực, điều kiện thuận lợi bên ngoài cho mục tiêu bảo vệ Tổ quốc và phát triển đất nước từ sớm, từ xa; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, đảm bảo tốt nhất lợi ích của Nhân dân.

Hội nhập quốc tế phải trên cơ sở nội lực có vai trò quyết định, gia tăng nội lực đi đôi với tranh thủ ngoại lực. Nội lực là nguồn lực chính, là gốc rễ cho sức mạnh, vì vậy phải luôn được phát huy để đảm bảo tính chủ động, độc lập, tự cường nhưng đồng thời, cần

tranh thủ cao độ mọi nguồn lực từ bên ngoài để kết hợp và bổ sung cho nội lực. Kết hợp nhuần nhuyễn giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, tạo ra sức mạnh Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình. Hội nhập quốc tế là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh. Hợp tác để đấu tranh và đấu tranh để hợp tác. Trong hội nhập, phải thể hiện đúng tinh thần "đối tác tích cực, có trách nhiệm" của cộng đồng quốc tế, sẵn sàng đóng góp cho những nỗ lực chung của khu vực và thế giới.

Tóm lại, Singapore là quốc gia chủ động và có vị thế vững chắc trên trường quốc tế. Bằng cách tận dụng thế mạnh và củng cố quan hệ đối tác quốc tế, Singapore không chỉ hướng tới việc bảo đảm các lợi ích chiến lược mà còn đóng góp vào trật tự thế giới ổn định và toàn diện. Chiến lược hội nhập quốc tế của Singapore là sự cân bằng quan trọng giữa tự lực cánh sinh và hội nhập toàn cầu. Đây là yếu tố then chốt cho thành công của Singapore, là tầm nhìn chiến lược, vững vàng hướng tới một tương lai không ngừng phát triển.

Tuy nhiên, khi quyền lực toàn cầu thay đổi, Singapore định hướng thận trọng trong quan hệ hợp tác đa

phương. Mở rộng quan hệ đối tác với BRICS được quản lý chặt chẽ cho phép Singapore khai thác các thế mạnh của BRICS - tiếp cận thị trường, đổi mới tài chính và hợp tác cơ sở hạ tầng - đồng thời duy trì tính trung lập và uy tín quốc tế của mình. Singapore lựa chọn quan hệ đối tác thay vì tư cách thành viên chính thức của BRICS đã tái khẳng định sự linh hoạt chiến lược của Singapore, định vị Singapore là một trung gian đáng tin cậy trong một thế giới ngày càng đa cực và phân mảnh. Sự tham gia thận trọng của Singapore không chỉ bảo vệ những thế mạnh đã được khẳng định mà còn củng cố vai trò độc đáo của Singapore như một cầu nối kinh tế và ngoại giao toàn cầu. Hợp tác với BRICS cho phép Singapore hành động theo các nguyên tắc chiến lược cốt lõi của mình: đa dạng hóa kinh tế, chủ nghĩa đa

phương, trung lập và phát triển bền vững. Bằng cách duy trì mô hình hợp tác có chọn lọc, Singapore có thể duy trì quyền tự chủ của mình trong khi thích ứng với cấu trúc hợp tác toàn cầu đang thay đổi. Trong thập kỷ tới, khi ngày càng nhiều quốc gia xem xét lại vị thế của mình trong một thế giới không còn chỉ được định nghĩa bởi các thể chế phương Tây, quyết định hợp tác với BRICS thông qua mô hình đối tác của Singapore trở thành một hình mẫu cho ngoại giao linh hoạt và thực dụng trong một hệ thống quốc tế phức tạp. Thành công của Singapore đến từ sự hội nhập (chứ không phải sự cô lập) trên khắp các thị trường quốc tế, chính phủ, ngành công nghiệp, học viện và vốn tư nhân. Singapore sẽ còn tiến xa hơn nữa trong việc củng cố hệ thống thương mại đa phương và duy trì dòng chảy thương mại và đầu tư mở ■

¹ Độ mở thương mại được đo bằng tỷ lệ xuất khẩu cộng với nhập khẩu trên GDP.

² Độ mở tài chính được đo bằng tỷ lệ nợ phải trả và tài sản bên ngoài trên GDP.

³ Tính theo đô la Mỹ năm 2010.

⁴ Ma Tong (2025), China, Singapore sign \$240m in deals amid closer regional integration - Global Times.

GÓP Ý DỰ THẢO VĂN KIỆN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ CẦN THƠ LẦN THỨ XV



Thành ủy Cần Thơ phối hợp với Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức Hội nghị xin ý kiến các cơ quan Trung ương góp ý dự thảo Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Cần Thơ lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025 - 2030 _ Ảnh: quocchoi.vn

Sáng 28/7, tại Hà Nội, Thành ủy Cần Thơ phối hợp với Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức Hội nghị xin ý kiến các cơ quan Trung ương góp ý dự thảo Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Cần Thơ lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy Cần Thơ Đỗ Thanh Bình chủ trì Hội nghị. Cùng dự có: Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc Lâm Văn Mẫn; PGS. TS Nguyễn Văn Thành, TS Bùi Văn Thạch Phó Chủ tịch chuyên trách Hội

đồng Lý luận Trung ương; Phó Bí thư Thành ủy, Trưởng đoàn ĐBQH TP. Cần Thơ Nguyễn Tuấn Anh; đại diện Thường trực các Ủy ban của Quốc hội, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương...

Phát biểu khai mạc, Bí thư Thành ủy Cần Thơ Đỗ Thanh Bình nhấn mạnh, Cần Thơ là một trong 6 thành phố trực thuộc Trung ương, được Bộ Chính trị xác định trong Nghị quyết số 59-NQ/TW về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là trung tâm của Đồng bằng sông Cửu Long, giữ vai trò là đô thị hạt nhân, là trung tâm động lực, đầu mối giao thương, có vai trò quan trọng, giữ vị trí chiến lược về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của vùng và của cả nước.

Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Cần Thơ nhiệm kỳ 2025 - 2030 là sự

kiện chính trị có ý nghĩa lịch sử đặc biệt quan trọng. Nhấn mạnh điều này, Bí thư Thành ủy Cần Thơ nêu rõ, để hoàn thiện dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng bộ thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy tổ chức xin ý

Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Cần Thơ nhiệm kỳ 2025 - 2030 là sự kiện chính trị có ý nghĩa lịch sử đặc biệt quan trọng. Nhấn mạnh điều này, Bí thư Thành ủy Cần Thơ nêu rõ, để hoàn thiện dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng bộ thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy tổ chức xin ý kiến các cơ quan Trung ương góp ý cho các dự thảo văn kiện trình Đại hội.

kiến các cơ quan Trung ương góp ý cho các dự thảo văn kiện trình Đại hội.

Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Cần Thơ nhiệm kỳ 2025 - 2030 là sự kiện chính trị có ý nghĩa lịch sử đặc biệt quan trọng. Với phương châm "Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới - Phát triển", Đại hội là dấu mốc quan trọng đánh giá toàn diện kết quả thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ 2020 - 2025; kiểm điểm vai trò lãnh

đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Cần Thơ; đồng thời xác định quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhiệm kỳ 2025 - 2030, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo, tương xứng vị thế trung tâm,

động lực phát triển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng.

Tại Hội nghị, các đại biểu đã cho ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Cần Thơ lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025 - 2030, với tiêu đề “Kế thừa và phát huy truyền thống đoàn kết, tự lực, tự cường; xây dựng, chính đôn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; huy động mọi nguồn lực, không gian, xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ nhanh, bền vững, người dân có cuộc sống ấm no, văn minh, hạnh phúc; cùng cả nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”.

Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội được xây dựng trên cơ sở tổng kết tình hình thực tiễn Đảng bộ thành phố Cần Thơ và hai tỉnh Sóc Trăng, Hậu Giang trước đây. Quá trình xây dựng dự thảo Báo cáo chính trị được thực hiện nghiêm túc, khoa học, phát huy dân chủ, trí tuệ của toàn Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân thành phố, bảo đảm tính kế thừa, đổi mới, phát triển, đồng thời phản ánh khát vọng vươn lên

mạnh mẽ của thành phố trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Phó Chủ tịch Thường trực Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam Đỗ Thị Thu Thảo cho rằng, mục tiêu chung của dự thảo Báo cáo chính trị cơ bản đã thể hiện được tinh thần chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đối với bốn Nghị quyết “trụ cột”. Về vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (MTTQ) và các tổ chức chính trị - xã hội, theo Đỗ Thị Thu Thảo cho rằng, dự thảo Báo cáo chính trị đánh giá và nêu bật được vai trò quan trọng trong phát huy dân chủ, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội. Để ghi nhận và tiếp tục thể hiện vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, Thành ủy Cần Thơ nghiên cứu bổ sung thêm nội dung về vai trò chủ động, sáng tạo, tích cực của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội vào phần bài học kinh nghiệm.

Trong bối cảnh thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò quan trọng trong việc nắm bắt tâm tư nguyện

vọng, tuyên truyền, vận động, tập hợp hội viên, đoàn viên, nhân dân thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như các văn bản của chính quyền địa phương.

Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội Trần Văn Khải cho rằng, trong bối cảnh đất nước đang chuyển mình mạnh mẽ bước vào kỷ nguyên số - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, thành phố Cần Thơ đã xác định mục tiêu trở thành cực tăng trưởng, đô thị hiện đại, sinh thái của vùng và đề ra nhiều chỉ tiêu phát triển quan trọng đến năm 2030. Bên cạnh đó, dự thảo cần nhấn mạnh đầy đủ quan điểm coi khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là đột phá chiến lược hàng đầu và động lực chính yếu cho phát triển; đồng thời có những cam kết mạnh mẽ và mục tiêu cụ thể nhằm đưa Cần Thơ trở thành địa phương dẫn đầu về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo của vùng.

Với vị thế đô thị trung tâm vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Cần Thơ phải thể hiện khát vọng vươn lên mạnh mẽ hơn trong lĩnh vực này. Dự thảo cần

bổ sung một luận điểm nổi bật, nhấn mạnh rằng, phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số là con đường tắt yếu để Cần Thơ bứt phá, là động lực hàng đầu thúc đẩy mọi ngành kinh tế, xã hội, ngăn ngừa nguy cơ tụt hậu.

Báo cáo cũng cần được nhấn mạnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân cho công cuộc này. Nói cách khác, cần biến quá trình chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo thành một phong trào sâu rộng trong toàn Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân thành phố Cần Thơ. “Khi tư tưởng đã thông, quyết tâm đã cao, chúng ta mới tạo được chuyển biến mạnh mẽ trong hành động”, ông Trần Văn Khải nhấn mạnh.

Tại Hội nghị, các đại biểu đã góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Cần Thơ lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025 - 2030; đồng thời khẳng định, đất nước đang bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, việc hợp nhất 3 tỉnh/thành phố (Cần Thơ, Sóc Trăng, Hậu Giang) lấy tên là thành phố Cần Thơ có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển chung của đất nước ■